



PHẦN I. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI CẤP ĐỊA PHƯƠNG

1. Thủ tục thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	Trường hợp doanh nghiệp chưa chính thức cung cấp dịch vụ và tự nguyện hoàn trả giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông do thay đổi định hướng kinh doanh hoặc không thể triển khai các nội dung giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép quyết định thu hồi giấy phép theo thẩm quyền trong thời hạn <i>08 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp; - Nộp qua dịch vụ bưu chính; - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông theo <i>Mẫu số 18 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i> . 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>08 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	<i>Doanh nghiệp viễn thông</i>
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	<i>Quyết định thu hồi giấy phép</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày

	24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Lệ phí: Không có. - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Mẫu số 18 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Doanh nghiệp viễn thông bị thu hồi giấy phép có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định liên quan đến giấy phép viễn thông bị thu hồi tính đến thời điểm quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ghi bằng chữ in hoa).
2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại
4. Điện thoại: Fax: Website
5. Thông tin về giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng số....do....cấp ngày... tháng... năm):
6. Lý do đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông:...

Phần 2. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

2. Thủ tục Hoàn trả mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hoàn trả mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá <i>tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính.</i> 2. Trong thời hạn <i>03 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, ban hành quyết định về việc hoàn trả mã, số viễn thông theo <i>Mẫu số 34 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.</i> 3. Trường hợp không chấp nhận việc hoàn trả mã, số viễn thông, trong thời hạn <i>03 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản thông báo và nêu rõ lý do không chấp nhận
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tiếp;</i> - <i>Nộp qua dịch vụ bưu chính;</i> - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i>
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ - Đơn đề nghị hoàn trả mã số viễn thông theo <i>Mẫu số 33 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.</i> - <i>Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với tổ chức, doanh nghiệp); bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước (đối với cá nhân) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản được in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Đối với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện việc khai thác các thông tin, giấy tờ này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản để yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ</i>

	và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định về việc hoàn trả mã, số viễn thông theo <i>Mẫu số 34 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm ngay sau thủ tục)	Đơn đề nghị hoàn trả mã số viễn thông theo <i>Mẫu số 33 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i>
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 115/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03 tháng 6 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn". - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HOÀN TRẢ

**Mã mạng di động H2H/số dịch vụ giải đáp thông tin/số dịch vụ tin nhắn
ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá**

Kính gửi:

1. Thông tin về tổ chức/doanh nghiệp

- Tên tổ chức/doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Đầu mối liên hệ:
- Họ tên: Chức vụ:
- Điện thoại: Email:

2. Thông tin về mã, số viễn thông

STT	Tên mã, số	Mã, số (khối mã, số)	Số lượng mã, số	Quyết định phân bổ	
	(1)	(2)	(3)	(4)	
				Số	Ngày tháng năm
1					
2					
...					

(1): Ghi rõ tên mã, số viễn thông: Ví dụ: Số dịch vụ tin nhắn ngắn

(2): Ghi rõ mã, số viễn thông, ví dụ 9029

(3): Ghi rõ số lượng mã, số;

(4): Ghi rõ Số quyết định: ví dụ: Quyết định số 999/QĐ-CVT ngày 15/5/2024.

3. Tài liệu kèm theo:

3.1 Bản sao Quyết định phân bổ mã, số viễn thông.

3.2 Giải pháp bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc hoàn trả mã, số viễn thông (nếu có);

(Tên tổ chức/doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hoàn trả mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật.

**Đại diện theo pháp luật của
tổ chức/doanh nghiệp**

ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hoàn trả mã mạng di động H2H/số dịch vụ giải đáp thông tin/ số
dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày.... tháng ... năm của UBND tỉnh..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đề nghị của Tên tổ chức/doanh nghiệp tại Đơn đề nghị hoàn trả mã, số viễn thông số ngày

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp nhận việc (Tên tổ chức/doanh nghiệp) có Giấy đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập số.... hoàn trả mã mạng di động H2H/số dịch vụ giải đáp thông tin/số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá như sau:

TT	Tên mã, số viễn thông	Mã, số viễn thông (khối mã, số viễn thông)	Số lượng mã, số viễn thông	Quyết định phân bổ		Phạm vi	Ghi chú
				Số	Ngày/tháng/năm		

Điều 2. *(Tên tổ chức/doanh nghiệp)* có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông di động có liên quan ngừng việc khai thác mã, số viễn thông nêu trên kể từ ngày chấp nhận hoàn trả;

b) Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và các bên có liên quan theo quy định của pháp luật.

c) Thanh toán đầy đủ các khoản lệ phí, phí sử dụng mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật tính đến ngày chấp nhận hoàn trả mã, số viễn thông nêu trên.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng ..., Trưởng phòng ..., *Chức vụ người đại diện theo pháp luật của (Tên tổ chức/doanh nghiệp)* và Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;

-.....;

- Lưu: VT.

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên và đóng dấu)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Thủ tục Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép gửi 01 bộ hồ sơ tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. <i>Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</i> <i>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp.</i> <i>Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền.</i> <i>Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.</i> 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; - Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có

	chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp; - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.

	- Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP; - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	I. Các điều kiện chung theo Luật Viễn thông 1. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Chính phủ; c) Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; d) Bảo đảm cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần, kênh tần số vô tuyến điện được cấp theo hình thức đấu giá, thi tuyển hoặc đối với băng tần được cấp lại; đ) Trúng đấu giá, trúng thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đủ điều kiện được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. 2. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; b) Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ,

	tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; c) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo quy định của Chính phủ. II. Các điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu và triển khai mạng viễn thông theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 163/2024/NĐ-CP), cụ thể như sau: A. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện <i>trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</i> phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. B. Đối với mạng viễn thông công cộng di động mặt đất 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần cấp thông qua đấu giá hoặc

thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau:

a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 500 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.

2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau:

a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 20 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 60 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông.

Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.

3. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo) phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau:

a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông và có thỏa thuận bằng văn

	bản về việc thuê mạng viễn thông di động mặt đất với doanh nghiệp đã được cấp phép để triển khai kinh doanh dịch vụ viễn thông. C. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh và di động vệ tinh Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh hoặc di động vệ tinh phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: 1. Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. 2. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ ngày 29/4/2026 của Chính phủ.</i> - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi

	giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số .../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

☐ **Đề nghị cấp lại giấy phép:**

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)

☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu/ký số)*

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN

I. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc
...				

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
...				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập; cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN

ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi: Cục Viễn thông

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ...cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại.....*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

1. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

2. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ...để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng loại mạng viễn thông công cộng không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36, Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP, Điều 37 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng trong một tỉnh thành phố trực thuộc trung ương) tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36, Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP, Điều 37 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP, doanh nghiệp phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong những thay đổi sau: a) Thay đổi tên doanh nghiệp được cấp phép theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; b) Ngừng một phần hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép đã được cấp; c) Thay đổi cấu hình mạng viễn thông được quy định tại giấy phép. d) Thay đổi phạm vi thiết lập mạng viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép; đ) Thay đổi nhu cầu sử dụng tài nguyên viễn thông và cần xác định tính khả thi khi phân bổ tài nguyên viễn thông. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp.

	<i>Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền.</i> <i>Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết.</i> 4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng do thay đổi nhu cầu sử dụng tần số vô tuyến điện cần được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 5. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Cục Viễn thông có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao giấy phép để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: <i>Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện và không sử dụng số thuê bao viễn thông phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP bao gồm các tài liệu sau:</i> <i>a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP;</i> <i>b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp)</i>

	bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính (trường hợp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương có thay đổi so với thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép). Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính; c) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. d) Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP (đối với quy định tại điểm c khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP); đ) Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp đối với quy định tại khoản 2 Điều 36 mà phải xét điều kiện về vốn điều lệ, quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông; e) Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó đối với quy định tại khoản 2 Điều 36 mà phải xét điều kiện về vốn điều lệ, quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông; g) Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP để đáp ứng điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép đối với quy định tại khoản 2 Điều 36 mà phải xét điều kiện về vốn điều lệ,

	<i>quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông (trong trường hợp doanh nghiệp chưa đầu tư đủ số vốn đầu tư tối thiểu tương ứng quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 Nghị định này).</i> 2. Số lượng: 01 hồ sơ
Thời hạn giải quyết	<i>10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông - Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP - <i>Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật - Mẫu số 02 Phụ lục V Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông - Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP - <i>Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông - Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện như sau: a) Theo đề nghị của tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ;

	b) Thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 và Điều 38 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ ngày 29/4/2026 của Chính phủ</i> - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP

Mẫu số 02
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN

I. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)

1				
2				
...				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập; cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

3.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của

nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu/ký số)*

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng
kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt,
tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp
đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã
được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao
dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an

ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu/ký số)*

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN
ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi: Cục Viễn thông

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại.....*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

3. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

4. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

3. Thủ tục Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) tại Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP, Điều 38 và khoản 2 Điều 40 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện và không sử dụng số thuê bao viễn thông phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép đã được cấp phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. <i>Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</i> <i>Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp.</i> <i>Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền.</i> <i>Trường hợp từ chối gia hạn, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.</i> 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp gia hạn giấy phép, cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i>

	- <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 01 tại Phụ lục V Biểu mẫu kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; b) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	<i>10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 1. Phí - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 01- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)

	Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông; 2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm. Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa bao gồm: Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ ngày 29/4/2026 của Chính phủ</i> - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi

	giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 01

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:... do cấp ngày ... tháng ... năm đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số.... cấp ngày tháng năm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

☐ Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.

Thời hạn đề nghị được gia hạn:.... ngày tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Cam kết đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành (nếu đề nghị gia hạn giấy phép thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP).

3. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

4. Nếu được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu/ký số)*

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng
kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt,
tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp
đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã
được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao
dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thỏa thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu/ký số)*

4. Thủ tục cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) tại điểm a khoản 4 Điều 39 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP, Điều 39 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện và không sử dụng số thuê bao viễn thông phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) doanh nghiệp muốn cấp lại giấy phép phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ. 2. Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn. 3. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp lại xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.

	4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp lại giấy phép dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. c) Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP d) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP.

	2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP) - Mẫu số 02 - Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP) - Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP) - Mẫu số 10 - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc cấp lại giấy phép viễn thông cho doanh nghiệp được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 36 Luật Viễn thông, có xem xét việc thực hiện nội dung quy định trong giấy phép viễn thông đã cấp và quyền lợi của người sử dụng dịch vụ viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ ngày 29/4/2026 của Chính phủ</i>

	- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP
Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN

I. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				

...				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập; cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;
- c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số .../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

☐ **Đề nghị cấp lại giấy phép:**

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)

☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng
kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt,
tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp
đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã
được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao
dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu/ký số)*

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN
ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi: Cục Viễn thông

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

5. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

6. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

5. Thủ tục xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện

Trình tự thực hiện	1. Đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo công khai phương án tổ chức đấu giá, tổ chức tham gia đấu giá phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện <i>tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i>. - Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông có văn bản thông báo cho tổ chức đã nộp hồ sơ biết nếu hồ sơ không hợp lệ. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo hồ sơ không hợp lệ, tổ chức phải hoàn thiện và nộp lại hồ sơ theo quy định. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét cấp Giấy xác nhận tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo Mẫu 03 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 18a Luật Tần số vô tuyến điện được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Tần số vô tuyến điện, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo từ chối cấp giấy xác nhận, nêu rõ lý do. 2. Đối với trường hợp thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo công khai phương án tổ chức thi tuyển, tổ chức phải nộp hồ sơ thi tuyển <i>tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i>. Các hồ sơ nộp không đúng thời hạn trên sẽ không được tiếp nhận và giải quyết. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày mở hồ sơ thi tuyển, Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh sách tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện. - Trường hợp tổ chức không đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo cho tổ chức và nêu rõ lý do. Hồ sơ thi tuyển của tổ chức không đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện không được chấm điểm.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i>

	- <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo Mẫu 01 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP (đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện). b) Đơn đăng ký tham gia thi tuyển theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP (đối với trường hợp thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện); c) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP được sửa đổi tại Điều 39 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp đã được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông); hoặc hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi khoản 1 và khoản 2 Điều 36 và khoản 1 Điều 40 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp chưa được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông). d) Bản cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng đấu giá hoặc thi tuyển theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP; đ) Bản cam kết mức trả giá trong trường hợp tổ chức trúng đấu giá đảm bảo phương án kỹ thuật và phương án kinh doanh đáp ứng điều kiện cấp hoặc cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông theo Mẫu 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP (đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện); e) Cam kết đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18a Luật Tần số vô tuyến điện được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện. g) Tài liệu khác theo yêu cầu của phương án tổ chức thi tuyển (đối với trường hợp thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện). 2. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	1. Đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ 2. Đối với trường hợp thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện:

	15 ngày kể từ ngày mở hồ sơ thi tuyển quy định tại phương án tổ chức thi tuyển
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức tham gia đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	1. Đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: Giấy xác nhận tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo Mẫu 03 tại Phụ lục V ban hành kèm theo ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP 2. Đối với trường hợp thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: Quyết định phê duyệt danh sách tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	-Mẫu số 01 - Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP); -Mẫu số 04 - Đơn đăng ký tham gia thi tuyển (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP); -Phụ lục IV - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng đấu giá (Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP); -Mẫu số 02 - Bản cam kết mức trả giá trong trường hợp tổ chức trúng đấu giá đảm bảo phương án kỹ thuật và phương án kinh doanh đáp ứng điều kiện cấp hoặc cấp mới hoặc sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá theo quy định của pháp luật về viễn thông theo (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện - Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ;

	- Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về viễn thông, tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật; - Đáp ứng điều kiện cấp hoặc cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông; - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá xây dựng chung cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và phù hợp với yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông của băng tần được cấp phép thông qua đấu giá; - Cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp giấy phép sử dụng thông qua đấu giá. 2. Đối với trường hợp thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: - Sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện vào mục đích và nghiệp vụ vô tuyến điện mà pháp luật không cấm; - Có phương án sử dụng tần số vô tuyến điện khả thi, phù hợp quy hoạch tần số vô tuyến điện; - Có thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ; - Cam kết thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện; - Đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về viễn thông, tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật; - Đáp ứng điều kiện cấp hoặc cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông; - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá xây dựng chung cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và phù hợp với yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông của băng tần được cấp phép thông qua đấu giá; - Cam kết đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp phép thông qua thi tuyển
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24/11/2023; - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

	- Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh</i> - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i>

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... , ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN THAM GIA ĐẤU
GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐỐI VỚI BĂNG TẦN**

Kính gửi: Cục Viễn thông

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Luật Viễn thông ...;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... tháng ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Đề nghị cấp giấy xác nhận

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần (khối băng tần).....

Phần 3. Tài liệu kèm theo

.....

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện

tham gia đấu giá và các tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

TÊN DOANH NGHIỆP

Mẫu 02
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ...

**BẢN CAM KẾT VỀ MỨC TRẢ GIÁ TRONG TRƯỜNG HỢP DOANH
NGHIỆP TRÚNG ĐẦU GIÁ**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:.....do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm

Điện thoại: Fax: Website

Căn cứ Luật Tàn số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày .../.../2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ phê duyệt Phương án tổ chức đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với (băng tần), (Doanh nghiệp) cam kết như sau:

1. Mức trả giá khối băng tần trong trường hợp doanh nghiệp trúng đầu giá đảm bảo phương án kỹ thuật và phương án kinh doanh đáp ứng điều kiện cấp hoặc cấp hoặc sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá theo quy định theo pháp luật về viễn thông.

2. Chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá theo quy định pháp luật.

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm trong việc thực hiện nội dung cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

DOANH NGHIỆP
(công ty)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA THI TUYỂN

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Sau khi nghiên cứu các nội dung quy định tại Phương án tổ chức thi tuyển do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt (tại Quyết định số ngày....),

(Tên doanh nghiệp):.....

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đăng ký tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với khối băng tần/kênh tần số

Nếu trúng tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện khối băng tần/kênh tần số..., (tên doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông theo Bản cam kết tại Hồ sơ thi tuyển và chấp hành quy định pháp luật về viễn thông và tần số vô tuyến điện.

Kèm theo Đơn đăng ký này là các tài liệu được chuẩn bị theo yêu cầu của Phương án tổ chức thi tuyển do Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong Đơn đăng ký này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

MẪU BẢN CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm...

**BẢN CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG SAU KHI TRÚNG ĐẤU
GIÁ/THI TUYỂN/CẤP LẠI QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
ĐỐI VỚI BĂNG TẦN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do.... cấp lần đầu ngày... tháng... năm..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm

Điện thoại: Fax: Website

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày .../.../2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Phương án tổ chức (*đấu giá/thi tuyển*) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với (băng tần) /hoặc thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép, (Doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi (*trúng đấu giá/ thi tuyển/ được cấp lại*) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần (*khỏi băng tần*) như sau:

TT	Tiêu chí	Nội dung triển khai
1	Tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới hoặc số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai	
2	Vùng phủ sóng tính theo dân số hoặc theo khu vực địa lý	
3	Thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông tính từ thời điểm cấp phép	
4	Chất lượng dịch vụ viễn thông	
5	Chuyển vùng dịch vụ viễn thông	

Doanh nghiệp cam kết như sau: chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây

và sẽ chịu xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm trong việc thực hiện nội dung cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng phụ thuộc vào quy định và phương án tổ chức đấu giá/thi tuyển hoặc yêu cầu khi cấp lại của bảng tần cụ thể.

6. Thủ tục Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần số vô tuyến điện tại Điều 23 và Điều 30 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP, khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP, khoản 5 Điều 36 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trường hợp doanh nghiệp trúng đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đã nộp đủ các khoản tài chính quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP đúng theo quy định, tổ chức được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. 2. Trường hợp doanh nghiệp trúng tuyển thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại khoản 3 Điều này được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần. 3. Trường hợp doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện a) Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng phải gửi 01 bộ hồ sơ tới Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. b) Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.

	c) Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Báo cáo về việc nộp đủ các khoản tài chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp trúng đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện). b) Báo cáo về việc nộp đủ các khoản tiền quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 30 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp trúng tuyển thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện). c) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện); d) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. (đối với doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện)

	e) Bản sao có chứng thực quyết định của cấp có thẩm quyền về sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện (đối với doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện). 2. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	1. Trường hợp doanh nghiệp trúng đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đã nộp đủ các khoản tài chính quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP đúng theo quy định 2. Trường hợp doanh nghiệp trúng tuyển thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP 3. Trường hợp doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức trúng đấu giá hoặc trúng tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Đối với doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện: Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	- Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24/11/2023; - Luật Tàn số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số .../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

☐ **Đề nghị cấp lại giấy phép:**

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)

☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:
- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

7. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần số vô tuyến điện theo quy định tại Điều 36, Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP, Điều 37 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng phải gửi 01 bộ hồ sơ tới Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin

	gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính (trường hợp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương có thay đổi so với thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép). Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính; c) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP (không áp dụng với trường hợp doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện). d) Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP); đ) Bản sao có chứng thực quyết định của cấp có thẩm quyền về sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện (trường hợp doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện). 2. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu số 05 kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. - Mẫu số 09 Phụ lục kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo - Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện như sau: a) Theo đề nghị của tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ; b) Thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 và Điều 38 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24/11/2023; - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

	- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

3.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của

nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu/ký số)*

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN

I. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.

3. Phân tích năng lực của công ty.

4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)

1				
2				
...				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập; cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng
kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt,
tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp
đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã
được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao
dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu/ký số)*

8. Thủ tục Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP, khoản 1, khoản 2 Điều 23, khoản 3, khoản 4 Điều 30, điểm b khoản 3 Điều 33 Nghị định 63/2023/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trường hợp doanh nghiệp trúng đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đã nộp đủ các khoản tài chính quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP đúng theo quy định, tổ chức được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. 2. Trường hợp doanh nghiệp trúng tuyển thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại khoản 3 Điều này được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần. 3. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP a) Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng phải gửi 01 bộ hồ sơ tới Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. b) Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. c) Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có

	trách nhiệm gửi Bộ Công an một bản sao để phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin. 4. Trường hợp bằng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần: a) Trong thời hạn 30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần còn hiệu lực 06 tháng, doanh nghiệp phải nộp 01 bộ hồ sơ Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có văn bản thông báo cho doanh nghiệp biết về hồ sơ không hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo, doanh nghiệp phải hoàn thiện và nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định; c) Chậm nhất 90 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hạn, Bộ Khoa học và Công nghệ báo cho doanh nghiệp về việc đủ điều kiện xét cấp lại giấy phép sử dụng băng tần, trường hợp không đủ điều kiện cấp lại thì phải nêu rõ lý do; Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo cho doanh nghiệp đủ điều kiện xét cấp lại giấy phép về mức thu lệ phí cấp phép hoạt động viễn thông, phí quyền hoạt động viễn thông phải nộp để được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông; d) Chậm nhất 30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần đã cấp hết hiệu lực, doanh nghiệp đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại điểm b khoản 5 Điều 33 Nghị định số 163/2023/NĐ-CP được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Báo cáo về việc nộp đủ các khoản tài chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP (đối với trường hợp doanh nghiệp trúng đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện). b) Báo cáo về việc nộp đủ các khoản tiền quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 30 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP (đối với trường hợp doanh nghiệp trúng tuyển thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện). c) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP (đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số

	163/2024/NĐ-CP và trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần); d) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. (đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần) đ) Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V Biểu mẫu theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần); e) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định (đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần); h) Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp (đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần);

	i) Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này (đối với trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần). 2. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	1. Trường hợp doanh nghiệp trúng đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đã nộp đủ các khoản tài chính quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP đúng theo quy định 2. Trường hợp doanh nghiệp trúng tuyển thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP 3. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. 4. Trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần: Chậm nhất 30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần đã cấp hết hiệu lực, doanh nghiệp đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại điểm b khoản 5 Điều 33 Nghị định số 163/2023/NĐ-CP được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần: Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	- Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. - Mẫu số 02 - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP); - Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐCP); - Phụ lục IV - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV (ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Đối với trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần: a) Đáp ứng điều kiện cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông; b) Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật sử dụng băng tần được cấp lại xây dựng chung cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và phù hợp với yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông của băng tần được cấp lại; c) Cam kết đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24/11/2023; - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

	- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh</i> - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số .../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

☐ **Đề nghị cấp lại giấy phép:**

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)

☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu/ký số)*

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

TÊN DOANH NGHIỆP

Mẫu số 02
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN

I. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)

1				
2				
...				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thỏa thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập; cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyển mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng
kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng viễn thông

a) Vị trí lắp đặt thiết bị;

b) Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt,
tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp
đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác, số thuê bao viễn thông đã
được cấp và đưa vào sử dụng, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

3. Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

4. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

5. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao
dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

6. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

7. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

8. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

9. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

10. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

11. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

12. Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;

b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

d) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Kết nối viễn thông

a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thỏa thuận kết nối;

b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu/ký số)*

MẪU BẢN CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm...

**BẢN CAM KẾT TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG SAU KHI TRÚNG ĐÁU
GIÁ/THI TUYỂN/CẤP LẠI QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
ĐỐI VỚI BĂNG TẦN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do.... cấp lần đầu ngày... tháng... năm..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm

Điện thoại: Fax: Website

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày .../.../2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Viễn thông; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Phương án tổ chức (*đấu giá/thi tuyển*) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với (băng tần) /hoặc thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại giấy phép, (Doanh nghiệp) cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi (*trúng đấu giá/ thi tuyển/ được cấp lại*) quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần (*khỏi băng tần*) như sau:

TT	Tiêu chí	Nội dung triển khai
1	Tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới hoặc số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai	
2	Vùng phủ sóng tính theo dân số hoặc theo khu vực địa lý	
3	Thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông tính từ thời điểm cấp phép	
4	Chất lượng dịch vụ viễn thông	
5	Chuyển vùng dịch vụ viễn thông	

Doanh nghiệp cam kết như sau: chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây

và sẽ chịu xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm trong việc thực hiện nội dung cam kết nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng phụ thuộc vào quy định và phương án tổ chức đấu giá/thi tuyển hoặc yêu cầu khi cấp lại của bảng tần cụ thể.

9. Thủ tục thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện và không sử dụng số thuê bao viễn thông phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

Trình tự thực hiện	Trường hợp doanh nghiệp chưa chính thức cung cấp dịch vụ hoặc chưa chính thức khai thác mạng viễn thông và tự nguyện hoàn trả giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện và không sử dụng số thuê bao viễn thông phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) do thay đổi định hướng kinh doanh hoặc không thể triển khai các nội dung giấy phép, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) quyết định thu hồi giấy phép theo thẩm quyền trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 11 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị thu hồi giấy phép
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định thu hồi giấy phép
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Lệ phí: Không có. - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.

	- Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Mẫu số 11 - Đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Doanh nghiệp viễn thông bị thu hồi giấy phép có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định liên quan đến giấy phép viễn thông bị thu hồi tính đến thời điểm quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG/
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ghi bằng chữ in hoa).

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Thông tin về giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông số do cấp ngày ... tháng ... năm):

6. Lý do đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông: ...

Phần 2. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu/ký số)

10. Thủ tục cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện

Trình tự thực hiện	Tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện phải gửi 01 bộ hồ sơ chuyển nhượng tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông); Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thông báo cho tổ chức về hồ sơ không hợp lệ; Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện. Trường hợp từ chối, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo nêu rõ lý do từ chối.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Văn bản đề nghị chuyển nhượng có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức đề nghị chuyển nhượng; b) Văn bản thỏa thuận giữa tổ chức đề nghị chuyển nhượng và tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng về bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng của việc chuyển nhượng; c) Cam kết của tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng về việc kế thừa đầy đủ nghĩa vụ của tổ chức chuyển nhượng; d) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp, tình hình thực hiện cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng đấu giá của tổ chức đề nghị chuyển nhượng. đ) Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông sử dụng băng tần của tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng (<i>đối với trường hợp tổ chức nhận chuyển nhượng đã có giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần đề nghị nhận chuyển nhượng</i>); e) Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hoặc văn bản đề nghị thu hồi giấy phép kinh

	doanh dịch vụ viễn thông của tổ chức đề nghị chuyển nhượng. g) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có sử dụng băng tần của tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về viễn thông (<i>đối với trường hợp tổ chức nhận chuyển nhượng chưa có giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần đề nghị nhận chuyển nhượng</i>). 2. Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện
Phí, lệ phí (nếu có)	- Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không có
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông phù hợp với băng tần, kênh tần số nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về viễn thông, điều kiện cấp giấy phép quy định tại các điểm a, d, đ và e khoản 2 Điều 19 của Luật Tần số vô tuyến điện và phải kế thừa đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức chuyển nhượng; 2. Tổng độ rộng băng tần được phép sử dụng của tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện sau khi nhận chuyển nhượng không vượt quá giới hạn tổng độ rộng băng tần mà một tổ chức được phép sử dụng quy định tại quy hoạch băng tần; 3. Tổ chức đề nghị chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện có trách nhiệm sau:

	a) Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng của việc chuyển nhượng. b) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật. c) Hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện. 4. Tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện có trách nhiệm sau: a) Thực hiện các quyền, trách nhiệm được chuyển nhượng và không được phép tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện được chuyển nhượng cho tổ chức khác. b) Thực hiện cam kết triển khai mạng viễn thông do bên chuyển nhượng đã cam kết để được cấp giấy phép sử dụng băng tần; thực hiện các điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, quyền và nghĩa vụ tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông của bên chuyển nhượng. c) Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật. 4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, tần số vô tuyến điện. 5. Nộp đầy đủ, đúng hạn lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí về viễn thông theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện, viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24/11/2023; - Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022; - Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan

	đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i> - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

11. Thủ tục Cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức đề nghị cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển phải gửi 01 bộ hồ sơ bản gốc và 04 bộ hồ sơ bản sao tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. 2. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) tiếp nhận và xét tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ; gửi hồ sơ lấy ý kiến các Bộ: Quốc phòng, Ngoại giao, <i>Nông nghiệp và Môi trường</i>, Công Thương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời phải nêu rõ đồng ý cấp phép theo nội dung hồ sơ nhận được hoặc đồng ý cấp phép kèm theo các điều kiện, biện pháp thực hiện mà tổ chức đề nghị cấp phép phải đáp ứng hoặc thực hiện bổ sung để được cấp phép. 3. Trong thời hạn <i>16 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến trả lời của các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo thẩm quyền. 4. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ giấy tờ pháp lý của tổ chức đề nghị cấp phép (quyết định thành lập, giấy phép hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu tương đương khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính; c) Bản sao điều lệ hoạt động của tổ chức, văn bản quy định cơ cấu tổ chức chung hoặc hình thức liên kết, hoạt động chung giữa các thành viên;

	d) Đề án lắp đặt cáp viễn thông trên biển bao gồm các nội dung chính sau: các văn bản pháp lý liên quan đến phê duyệt đầu tư tuyến cáp (nếu có); tổng quan về tổ chức đề nghị cấp phép; sự cần thiết đầu tư tuyến cáp; hiện trạng mạng lưới, nhu cầu phát triển thị trường, xác định rõ tính chất, mục tiêu và phạm vi của tuyến cáp; hình thức đầu tư, tổng vốn đầu tư, tỷ lệ góp vốn của các thành viên, tỷ lệ sở hữu dung lượng, các trạm cập bờ trên toàn tuyến cáp; thông số kỹ thuật của tuyến cáp (tổng chiều dài toàn tuyến, tổng chiều dài trong vùng biển Việt Nam, tọa độ điểm vào, tọa độ điểm ra vùng biển của Việt Nam); dự kiến tọa độ tuyến cáp đề nghị lắp đặt, đường đi của tuyến cáp phải trình bày trên bản đồ thể hiện đúng chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, địa giới hành chính của Việt Nam theo quy định pháp luật đo đạc và bản đồ (bản đồ hành chính Việt Nam tỷ lệ 1:9.000.000); số đôi sợi, công nghệ sử dụng, dung lượng thiết kế, dung lượng trang bị; kế hoạch thi công (lịch trình chi tiết và phương án thi công để thực hiện việc khảo sát, dọn dẹp, chạy neo, kiểm tra sau rải và chôn lấp); dự kiến thời điểm bắt đầu khảo sát, thời điểm bắt đầu lắp đặt, ngày chính thức khai thác một phần hoặc toàn bộ tuyến cáp; kế hoạch bảo dưỡng tuyến cáp trong vùng biển Việt Nam trong 05 năm đầu kể từ ngày chính thức khai thác một phần hoặc toàn bộ tuyến cáp; phương án đảm bảo an toàn cho phương tiện, con người trong quá trình thi công, đảm bảo an toàn, an ninh cho các đảo nhân tạo, thiết bị, công trình trên biển tại vùng biển tuyến cáp đi qua; phương án đảm bảo an ninh, môi trường biển trong quá trình khảo sát, thi công tuyến cáp và các vấn đề liên quan đến khảo sát biển, hoạt động ngầm dưới biển; cam kết về việc đảm bảo an toàn và bồi thường cho các đảo nhân tạo, thiết bị, công trình trên biển của Việt Nam nếu do lỗi của tàu, thuyền vào khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp gây ra hư hỏng các đảo nhân tạo, thiết bị, công trình trên biển này. 2. Số lượng hồ sơ: 05 bộ (01 bộ hồ sơ bản gốc và 04 bộ hồ sơ bản sao).
Thời hạn giải quyết	<i>-10 ngày xét tính hợp lệ của hồ sơ</i> <i>-16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến trả lời của các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo thẩm quyền</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Viễn thông

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo Mẫu số 30 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> <i>- Lệ Phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.</i> <i>- Phí lắp đặt cáp viễn thông trên biển: Lắp đặt cáp viễn thông trên biển, bao gồm cả hoạt động khảo sát, lắp đặt, sửa chữa cáp viễn thông trên biển trước ngày chính thức khai thác tuyến cáp (nộp một lần cho toàn bộ thời hạn giấy phép, bao gồm cả thời gian gia hạn): 1.000.000 USD.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo Mẫu số 12 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Cam kết tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam; 2. Cam kết không gây ô nhiễm môi trường biển; 3. Cam kết không thực hiện hoạt động khác ngoài việc khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp viễn thông; 4. Có đề án lắp đặt cáp viễn thông trên biển phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan; 5. Cam kết chịu sự kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp trong vùng biển Việt Nam và chịu mọi chi phí cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

	- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẮP ĐẶT CÁP
VIỄN THÔNG TRÊN BIỂN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ hợp đồng ủy quyền của tổ chức nước ngoài đề nghị cấp phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam để thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép (nếu có);

(Tên tổ chức) đề nghị được cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy phép hoạt động/quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương đương khác, ghi bằng chữ in hoa)

Tên giao dịch quốc tế:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy phép hoạt động/quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương đương khác số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Thông tin về người/tổ chức được ủy quyền (họ tên, chức vụ, quốc tịch, số hộ chiếu hoặc căn cước công dân...)

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển, (tên tổ chức/doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định trong giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

12. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển, tổ chức được cấp giấy phép phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển khi thay đổi tên tổ chức được cấp phép hoặc thay đổi vị trí lắp đặt tuyến cáp trong vùng biển Việt Nam. 2. Tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển phải gửi 01 bộ hồ sơ bản gốc và 04 bộ hồ sơ bản sao tới Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép. 3. Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) tiếp nhận và xét tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép trong thời hạn <i>08 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trong thời hạn <i>12 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét sửa đổi, bổ sung giấy phép theo thẩm quyền trên cơ sở việc tuân thủ nội dung giấy phép đã được cấp và các quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp thay đổi vị trí lắp đặt tuyến cáp, Bộ Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến các cơ quan như quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và thời gian xét sửa đổi, bổ sung có thể kéo dài nhưng không được quá <i>35 ngày</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo Mẫu số 13 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP; b) Nội dung chi tiết của việc sửa đổi, bổ sung giấy phép và các tài liệu có liên quan khác. 2. Số lượng hồ sơ: 05 bộ (01 bộ hồ sơ bản gốc và 04 bộ hồ sơ bản sao).
Thời hạn giải quyết	- <i>12 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép khi thay đổi tên tổ chức được cấp phép.

	- 35 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép khi thay đổi vị trí lắp đặt tuyến cáp trong vùng biển Việt Nam.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển được sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 30 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí: không - Lệ Phí: 500.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển được sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 13 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Cam kết tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam; 2. Cam kết không gây ô nhiễm môi trường biển; 3. Cam kết không thực hiện hoạt động khác ngoài việc khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp viễn thông; 4. Có đề án lắp đặt cáp viễn thông trên biển phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan; 5. Cam kết chịu sự kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp trong vùng biển Việt Nam và chịu mọi chi phí cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện</i>

	<i>kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

(TÊN DOANH NGHIỆP) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP LẮP ĐẶT CÁP VIỄN THÔNG TRÊN BIỂN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;
Căn cứ hợp đồng ủy quyền của tổ chức nước ngoài đề nghị cấp phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam để thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép (nếu có);
(Tên tổ chức/doanh nghiệp) đề nghị được cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển như sau:

Phần 1. Thông tin chung

- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác, ghi bằng chữ in hoa).....
Tên giao dịch quốc tế:.....
- Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc ghi tại tài liệu tương đương khác):.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp ngày ... tháng... năm ... tại.....

- Điện thoại:.....Fax:.....Website.....
- Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển đề nghị được sửa đổi, bổ sung: Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

- Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:
- ☐ 1. Đổi tên tổ chức/doanh nghiệp đề nghị cấp.
 - ☐ 2. Thay đổi thông tin tuyến cáp được lắp đặt.
 - ☐ 3. Lý do khác (ghi rõ).....

Phần 3. Tài liệu kèm theo

-
-
-
-

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển, (tên tổ chức/doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và quy định trong giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

13. Thủ tục Phân bổ mã, số viễn thông theo phương thức trực tiếp quy định tại Điều 6 Nghị định số 115/2025/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị phân bổ mã, số viễn thông tới Cục Viễn thông. 2. Trong thời hạn <i>05 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thẩm định, ban hành quyết định phân bổ mã, số viễn thông. Trường hợp từ chối phân bổ mã, số viễn thông, trong thời hạn <i>05 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Viễn thông có văn bản trả lời, nêu rõ lý do từ chối.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông theo <i>Mẫu số 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> b) <i>Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với tổ chức, doanh nghiệp) hoặc bản sao có chứng thực quyết định thành lập (đối với các cơ quan, tổ chức không phải là doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản được in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.</i> c) Kế hoạch sử dụng mã, số viễn thông theo <i>Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP.</i> d) Báo cáo hiệu suất sử dụng mã, số viễn thông khi đề nghị phân bổ lần thứ 02 trở đi theo <i>Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>05 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định <i>45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (áp dụng đối với loại mã, số viễn thông đưa ra niêm yết để lựa chọn đấu giá)</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định phân bổ mã, số viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính: 350.000 đồng/lần phân bổ (theo quy định tại Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông).
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	- Đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông theo <i>Mẫu số 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>; - Kế hoạch sử dụng mã, số viễn thông theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP; - Báo cáo hiệu suất sử dụng mã, số viễn thông khi đề nghị phân bổ lần thứ 02 trở đi theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông. - Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn". - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ ngày 29/4/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÂN BỐ MÃ, SỐ VIỄN THÔNG

(Áp dụng trường hợp mã, số viễn thông phân bổ theo phương thức trực tiếp)

Kính gửi: Cục Viễn thông - Bộ Khoa học và Công nghệ.

1. Thông tin về tổ chức/doanh nghiệp:

a) Tên tổ chức/doanh nghiệp:

b) Địa chỉ trụ sở chính:

c) Đầu mối liên hệ:

- Họ tên: Chức vụ:.....

- Điện thoại:.....Email:.....

- Số Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông:.....(đối với doanh nghiệp viễn thông).

2. Thông tin về mã, số viễn thông

a) Tên mã, số viễn thông: *(Ghi rõ tên mã, số viễn thông, ví dụ: Số thuê bao di động H2H);*

b) Mã, số viễn thông hoặc khối mã, số viễn thông: *(Ví dụ: khối 9ABCDEF gắn với mã mạng di động H2H 51);*

c) Phạm vi đề nghị: *(Ví dụ: toàn quốc);*

d) Số lượng: *(Ví dụ: 200.000 số);*

3. Hiện trạng khai thác, sử dụng mã, số viễn thông

a) Số lượng mã, số viễn thông đã được phân bổ: *(Ví dụ: 2.000.000 số);*

b) Hiệu suất sử dụng mã, số viễn thông: *(Ví dụ: 80%).*

4. Thực hiện nộp lệ phí phân bổ và phí sử dụng kho số

(Ví dụ: đã nộp đầy đủ, đúng hạn lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông theo quy định).

5. Thực hiện chế độ báo cáo

(Ví dụ: Báo cáo đầy đủ, đúng hạn về tình hình khai thác, sử dụng mã, số viễn thông theo quy định).

6. Tài liệu kèm theo

a) Bản sao có chứng thực quyết định thành lập (đối với tổ chức không phải doanh nghiệp);

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư trong trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được trên cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành không đúng quy định;

c) Kế hoạch sử dụng mã, số viễn thông;

d) Báo cáo hiệu suất sử dụng mã, số viễn thông (trường hợp đề nghị phân bổ từ lần 2 trở đi);

đ) Tài liệu khác (nếu có)

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) cam kết thực hiện đúng quy định về quy hoạch, quy định về quản lý kho số viễn thông.

Đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

**TÊN TỔ CHỨC/
DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ...tháng ...năm....

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG MÃ, SỐ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Cục Viễn thông - Bộ Khoa học và Công nghệ

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) báo cáo kế hoạch sử dụng mã, số viễn thông đề nghị phân bổ kèm theo đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông số như sau:

1. Tên mã, số viễn thông: *(Ghi rõ tên mã, số viễn thông theo đơn đề nghị, ví dụ: Số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn)*;

2. Mục đích sử dụng mã, số viễn thông: *(Ghi rõ mục đích sử dụng. Ví dụ: sử dụng để cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông, tư vấn pháp luật...)*;

3. Hạ tầng kỹ thuật dùng để khai thác, sử dụng mã, số viễn thông: *(Ghi rõ mã, số viễn thông được khai báo, sử dụng trên hạ tầng mạng gì? Ví dụ: Sử dụng trên hạ tầng mạng viễn thông di động)*;

4. Kế hoạch khai thác, sử dụng mã, số viễn thông: *(Ghi rõ lịch trình dự kiến thực hiện việc khai thác, sử dụng mã, số viễn thông, kế hoạch khai báo, kết nối, định tuyến, dịch vụ cung cấp gắn với mã, số viễn thông, đối tượng sử dụng, phạm vi và quy mô, lộ trình triển khai, sử dụng mã, số viễn thông)*.

Đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC/
DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ...tháng ...năm....

BÁO CÁO HIỆU SUẤT SỬ DỤNG MÃ, SỐ VIỄN THÔNG

(Áp dụng cho việc đề nghị phân bổ mã, số viễn thông từ lần thứ 02 trở đi)

Kính gửi: Cục Viễn thông - Bộ Khoa học và Công nghệ

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) báo cáo số liệu và tình hình khai thác, sử dụng mã, số viễn thông cho việc đề nghị phân bổ thêm như sau:

1. Thông tin về tổ chức/doanh nghiệp:

a) Tên tổ chức/doanh nghiệp:

b) Địa chỉ trụ sở chính:

c) Đầu mối liên hệ:

- Họ tên: Chức vụ:

- Điện thoại: Email:

2. Hiệu suất sử dụng mã, số viễn thông tính đến thời điểm đề nghị phân

bổ:

STT	Loại mã, số viễn thông được phân bổ	Số lượng mã, số viễn thông được phân bổ	Phạm vi mã, số viễn thông được phân bổ	Số lượng mã, số viễn thông đang hoạt động	Hiệu suất sử dụng (%)
...	...	A	...	B	$D=B/A*100$
...	...	A	...	B	$D=B/A*100$

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo này.

Đại diện theo pháp luật của tổ chức/doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

14. Thủ tục Hoàn trả mã, số viễn thông được phân bổ theo phương thức trực tiếp tại Điều 26 Nghị định số 115/2025/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hoàn trả mã, số viễn thông được phân bổ theo phương thức trực tiếp; mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá. 2. Trong thời hạn <i>03 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thẩm định, ban hành quyết định về việc hoàn trả mã, số viễn thông theo Mẫu số 09 tại Phụ lục Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP. 3. Trường hợp không chấp nhận việc hoàn trả mã, số viễn thông, trong thời hạn <i>03 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông có văn bản thông báo và nêu rõ lý do không chấp nhận
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đề nghị hoàn trả mã số viễn thông theo <i>Mẫu số 03 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2025/NĐ-CP.</i> b) <i>Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với tổ chức, doanh nghiệp); bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước (đối với cá nhân) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản được in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Đối với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện việc khai thác các thông tin, giấy tờ này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản để yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ</i>

	và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định về việc hoàn trả mã, số viễn thông theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm ngay sau thủ tục)	Đơn đề nghị hoàn trả mã số viễn thông theo Mẫu số 03 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 115/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03 tháng 6 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn".

	- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ ngày 29/4/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HOÀN TRẢ MÃ, SỐ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Cục Viễn thông - Bộ Khoa học và Công nghệ.

1. Thông tin về tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

1.1 Trường hợp là cá nhân

- Tôi là: Quốc tịch.....
- Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:
- Số thẻ CCCD/CC:..... cấp ngày / /.....tại.....
- Điện thoại:..... Email:.....

1.2 Trường hợp là tổ chức/doanh nghiệp

- Tên tổ chức/doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Đầu mối liên hệ:
- Họ tên: Chức vụ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....

2. Thông tin về mã, số viễn thông

2.1 Trường hợp mã, số viễn thông hoàn trả là số thuê bao di động:

STT	Số thuê bao di động	Quyết định phân bổ	
	(1)	(2)	
		Số	Ngày tháng năm
1			
2			
...			

Ghi chú:

- (1): Ghi rõ số thuê bao di động: ví dụ 0989.999.999.
- (2): Ghi rõ số quyết định: ví dụ: Quyết định số 999/QĐ-CVT ngày 15/5/2025.

2.2 Trường hợp mã, số viễn thông hoàn trả là mã mạng di động, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, số dịch vụ giải đáp thông tin

STT	Tên mã, số	Mã, số (khối mã, số)	Số lượng mã, số	Quyết định phân bổ	
	(1)	(2)	(3)	(4)	
				Số	Ngày tháng năm
1					
2					
...					

- (1): Ghi rõ tên mã, số viễn thông: Ví dụ: Số dịch vụ tin nhắn ngắn.
- (2): Ghi rõ mã, số viễn thông, ví dụ 9029.
- (3): Ghi rõ số lượng mã, số.

(4): Ghi rõ số quyết định: ví dụ: Quyết định số 999/QĐ-CVT ngày 15/5/2024.

3. Tài liệu kèm theo:

- Giải pháp bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc hoàn trả mã, số viễn thông (nếu có).

(Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân) cam kết chịu trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hoàn trả mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật.

**Đại diện theo pháp luật của
tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân**
*(Ký và ghi rõ họ tên (đối với cá nhân);
ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(đối với tổ chức, doanh nghiệp))*

Số: .../QĐ-CVT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hoàn trả mã, số viễn thông
CỤC TRƯỞNG CỤC VIỄN THÔNG

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”;
Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;
Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;
Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BKHCN ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Viễn thông;
Căn cứ Quyết định phân bổ mã, số viễn thông số ... ngày..... của Cục trưởng Cục Viễn thông phân bổ cho (Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân);
Xét đề nghị của (Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân) tại Đơn đề nghị hoàn trả mã, số viễn thông số ngày
Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp nhận việc (Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân) hoàn trả mã, số viễn thông sau:

TT	Tên mã, số viễn thông	Mã, số viễn thông (khối mã, số viễn thông)	Số lượng mã, số viễn thông	Quyết định phân bổ		Phạm vi	Ghi chú
				Số	Ngày/tháng/năm		

Điều 2. (Tên tổ chức/doanh nghiệp) có trách nhiệm:

- Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông di động có liên quan ngừng việc khai thác mã, số viễn thông nêu trên kể từ ngày chấp nhận hoàn trả.
- Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và các bên có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Thanh toán đầy đủ các khoản lệ phí, phí sử dụng kho số viễn thông theo quy định của pháp luật tính đến ngày chấp nhận hoàn trả mã, số viễn thông nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng ..., Trưởng phòng ..., *chức vụ người đại diện theo pháp luật của (Tên tổ chức/doanh nghiệp) hoặc tên cá nhân* và Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
-;
- Lưu: VT.

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

15. Thủ tục ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khoản 2 và Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ dịch vụ viễn thông trực tiếp liên quan đến phương tiện thiết yếu, dịch vụ viễn thông thống lĩnh thị trường, dịch vụ viễn thông công ích nhưng không chấm dứt hoạt động phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị được ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông tới Bộ Khoa học và Công nghệ ít nhất 60 ngày trước ngày dự định ngừng kinh doanh. 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ trả lời chấp thuận hoặc từ chối bằng văn bản cho doanh nghiệp biết. Trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông do chấm dứt hoạt động, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan có liên quan cho ý kiến đối với phương án tổ chức lại doanh nghiệp hoặc phương án phá sản, giải thể doanh nghiệp và trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp biết. 3. Trường hợp phải sửa đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông do ngừng kinh doanh dịch vụ, Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm yêu cầu doanh nghiệp viễn thông thực hiện việc sửa đổi, bổ sung giấy phép theo quy định. 4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm hoàn trả tài nguyên viễn thông đã được phân bổ đối với dịch vụ hoặc phần dịch vụ ngừng kinh doanh (nếu có).
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>

Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 02 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP; b) Báo cáo tình hình kinh doanh đối với dịch vụ dự kiến ngừng kinh doanh: Doanh thu, lợi nhuận, sản lượng, thị phần, số người sử dụng dịch vụ; c) Biện pháp và cam kết bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đã giao kết và các bên có liên quan; d) Phương án bảo đảm cung cấp cho người sử dụng dịch vụ viễn thông các dịch vụ viễn thông thay thế, chuyển người sử dụng dịch vụ viễn thông sang sử dụng dịch vụ viễn thông tương ứng của doanh nghiệp viễn thông khác hoặc thoả thuận bồi thường cho người sử dụng dịch vụ trong trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông mà không chấm dứt hoạt động. đ) Phương án tổ chức lại hoặc phương án phá sản, giải thể doanh nghiệp, biện pháp bảo đảm tiếp tục duy trì việc cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng trong trường hợp ngừng kinh doanh do chấm dứt hoạt động. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông do chấm dứt hoạt động.
Đối tượng giải quyết thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ - Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Văn bản chấp thuận hoặc từ chối gửi cho doanh nghiệp.
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Lệ phí: Không có. - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.

	- Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm ngay sau thủ tục)	Đơn đề nghị ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 02 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông hoặc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích chỉ được ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông trực tiếp liên quan đến phương tiện thiết yếu, dịch vụ viễn thông thống lĩnh thị trường, dịch vụ viễn thông công ích nếu đáp ứng các điều kiện sau đây và được Bộ Khoa học và Công nghệ chấp thuận bằng văn bản: a) Có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đã giao kết và của các bên có liên quan; b) Trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông mà không chấm dứt hoạt động thì phải bảo đảm cung cấp cho người sử dụng dịch vụ viễn thông các dịch vụ viễn thông thay thế, chuyển người sử dụng dịch vụ sang sử dụng dịch vụ viễn thông tương ứng của doanh nghiệp viễn thông khác hoặc thỏa thuận bồi thường cho người sử dụng dịch vụ; c) Trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ do chấm dứt hoạt động thì phải có biện pháp bảo đảm tiếp tục duy trì việc cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng trong phương án tổ chức lại hoặc phương án phá sản, giải thể doanh nghiệp. 2. Trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do doanh nghiệp vi phạm pháp luật, doanh nghiệp phải có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đã giao kết và phương án khắc phục vi phạm, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ bằng văn bản.

Căn cứ pháp lý
của thủ tục
hành chính

- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023.
- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
 - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- *Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.*
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN ngày 16/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông.
- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NGỪNG KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông).

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ghi bằng chữ in hoa).

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do cấp ngày ... tháng ... năm ..., đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày....

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Thông tin về giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (*giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng*) số... do ... cấp ngày ... tháng ... năm):

6. Dịch vụ ngừng kinh doanh, thời gian ngừng kinh doanh, lý do ngừng kinh doanh, phạm vi ngừng kinh doanh.

7. Biện pháp và cam kết bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đã giao kết và của các bên có liên quan.

Phần 2. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính với nhà nước liên quan đến giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Thủ tục Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông phải gửi hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp trong vòng <i>03 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và thực hiện công khai thông tin về các doanh nghiệp viễn thông đã hoàn thành việc đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông trên cổng thông tin điện tử của cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông; đồng thời gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) một bản sao giấy chứng nhận đăng ký để phối hợp trong công tác quản lý.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông trong đó kê khai các thông tin về dịch vụ viễn thông cung cấp, cam kết đáp ứng các điều kiện đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 03 - Đơn đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông, <i>Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP</i> Mẫu số 04 - Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông <i>Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Điều kiện đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông bao gồm: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; b) Có phương án kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ ngày 29/4/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư¹ số: ... do ... cấp ngày ...tháng...năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả về đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông

1. Thông tin về dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây (nếu có)
a) Loại hình dịch vụ dự kiến cung cấp (mô tả chi tiết dịch vụ);
b) Đối tượng khách hàng dự kiến hướng tới (khách hàng cá nhân, khu vực tư nhân, cơ quan nhà nước).

2. Mô tả thông tin về hạ tầng trung tâm dữ liệu dự kiến thiết lập, thuê để phục vụ cung cấp dịch vụ

a) Thông tin về các trung tâm dữ liệu trên lãnh thổ Việt Nam được sử dụng để cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu bao gồm: Địa chỉ đặt trung tâm dữ liệu; doanh

¹ Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

ngành sở hữu, quản lý trung tâm dữ liệu trong trường hợp thuê trung tâm dữ liệu của doanh nghiệp khác;

b) Thông tin chi tiết về hạ tầng trung tâm dữ liệu sở hữu, quản lý hoặc đi thuê được sử dụng để cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu bao gồm: quy mô (diện tích mặt sàn), năng lực lưu trữ, xử lý (số lượng máy chủ, số lượng tủ Rack), mức tiêu thụ điện năng (công suất tiêu thụ điện - MW), chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE).

3. Thông tin về kết nối Internet của các trung tâm dữ liệu do doanh nghiệp sở hữu, quản lý bao gồm: dung lượng kết nối (kết nối trong nước, kết nối quốc tế); tên doanh nghiệp viễn thông cung cấp đường truyền kết nối Internet (nếu không tự thiết lập đường truyền).

4. Mô tả các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan

Mô tả các thông tin về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng trung tâm dữ liệu và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan khác mà doanh nghiệp bảo đảm đáp ứng khi cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu; mô tả các cam kết về chất lượng dịch vụ (SLA) mà doanh nghiệp cung cấp.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

Dự kiến kế hoạch bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin: Tiêu chuẩn, quy chuẩn, phương án kỹ thuật, nghiệp vụ dự kiến áp dụng.

Phần 3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

- Đã hiểu và cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông khi cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: .../GCN-KHCN

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...

Cấp lại lần ..., ngày ... tháng ... năm ... (nếu có)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày tháng..... năm.... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của;

Xét đơn kèm Hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp);

Theo đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông theo những quy định sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp đăng ký cung cấp dịch vụ

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ...

2. Đã đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông như sau:

a) Tên dịch vụ viễn thông cung cấp:

b) Hạ tầng trung tâm dữ liệu thiết lập, thuê để phục vụ cung cấp dịch vụ:

Các trung tâm dữ liệu trên lãnh thổ Việt Nam được sử dụng để cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu bao gồm: Địa chỉ đặt trung tâm dữ liệu; doanh nghiệp sở hữu, quản lý trung tâm dữ liệu trong trường hợp thuê trung tâm dữ liệu của doanh nghiệp khác.

Điều 2. Doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông có nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 29 Luật Viễn thông và Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

2. Bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông trong quá trình cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông);
- ...
- Lưu: VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

2. Thủ tục Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị

Trình tự thực hiện	1. Trước khi cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. Trường hợp doanh nghiệp cung cấp đồng thời dịch vụ điện toán đám mây và dịch vụ trung tâm dữ liệu thì không cần thực hiện thủ tục thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông riêng mà thông báo thông tin về dịch vụ điện toán đám mây trong Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP và được cung cấp dịch vụ điện toán đám mây sau khi đã hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký hợp lệ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp biết trong vòng <i>02 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận hồ sơ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công khai thông tin về các tổ chức, doanh nghiệp đã hoàn thành việc thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông trên cổng thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông; đồng thời thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) để phối hợp trong công tác quản lý.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Trường hợp doanh nghiệp cung cấp đồng thời dịch vụ điện toán đám mây và dịch vụ trung tâm dữ liệu, thành phần hồ sơ gồm Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số

	133/2025/NĐ-CP 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Công khai thông tin về các tổ chức, doanh nghiệp đã hoàn thành việc thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông trên cổng thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 03 - Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông Mẫu số 05 - Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ: Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư² số: ... do ... cấp ngày ...tháng...năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả về đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông

1. Thông tin về dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây (nếu có)

a) Loại hình dịch vụ dự kiến cung cấp (mô tả chi tiết dịch vụ);

b) Đối tượng khách hàng dự kiến hướng tới (khách hàng cá nhân, khu vực tư nhân, cơ quan nhà nước).

² Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

2. Mô tả thông tin về hạ tầng trung tâm dữ liệu dự kiến thiết lập, thuê để phục vụ cung cấp dịch vụ

a) Thông tin về các trung tâm dữ liệu trên lãnh thổ Việt Nam được sử dụng để cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu bao gồm: Địa chỉ đặt trung tâm dữ liệu; doanh nghiệp sở hữu, quản lý trung tâm dữ liệu trong trường hợp thuê trung tâm dữ liệu của doanh nghiệp khác;

b) Thông tin chi tiết về hạ tầng trung tâm dữ liệu sở hữu, quản lý hoặc đi thuê được sử dụng để cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu bao gồm: quy mô (diện tích mặt sàn), năng lực lưu trữ, xử lý (số lượng máy chủ, số lượng tủ Rack), mức tiêu thụ điện năng (công suất tiêu thụ điện - MW), chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (PUE).

3. Thông tin về kết nối Internet của các trung tâm dữ liệu do doanh nghiệp sở hữu, quản lý bao gồm: dung lượng kết nối (kết nối trong nước, kết nối quốc tế); tên doanh nghiệp viễn thông cung cấp đường truyền kết nối Internet (nếu không tự thiết lập đường truyền).

4. Mô tả các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan

Mô tả các thông tin về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng trung tâm dữ liệu và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan khác mà doanh nghiệp bảo đảm đáp ứng khi cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu; mô tả các cam kết về chất lượng dịch vụ (SLA) mà doanh nghiệp cung cấp.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

Dự kiến kế hoạch bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin: Tiêu chuẩn, quy chuẩn, phương án kỹ thuật, nghiệp vụ dự kiến áp dụng.

Phần 3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

- Đã hiểu và cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông khi cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

THÔNG BÁO CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên tổ chức/doanh nghiệp) đề nghị thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp chữ in hoa: (tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại (đối với doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam)

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả về hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông

1. Loại hình dịch vụ viễn thông cung cấp (mô tả chi tiết loại hình dịch vụ). Đối tượng khách hàng dự kiến hướng tới (khách hàng cá nhân, tổ chức, khu vực tư nhân, cơ quan nhà nước) đối với trường hợp doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ điện toán đám mây.

2. Mô tả thông tin về hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê để phục vụ cung cấp dịch vụ viễn thông.

a) Trường hợp doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ dịch vụ điện toán đám mây, mô tả các thông tin sau: Thông tin về các trung tâm dữ liệu trên lãnh thổ

Việt Nam (nếu có) được sử dụng để cung cấp dịch vụ điện toán đám mây bao gồm: địa chỉ đặt trung tâm dữ liệu; doanh nghiệp sở hữu, quản lý trung tâm dữ liệu trong trường hợp thuê trung tâm dữ liệu của doanh nghiệp khác.

b) Trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông khác ngoài trường hợp tại điểm a khoản này.

- Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông;

- Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

- Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

3. Mô tả thông tin về chất lượng, giá dịch vụ

- Mô tả các thông tin về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan mà doanh nghiệp bảo đảm đáp ứng khi cung cấp dịch vụ.

- Mô tả cụ thể các cam kết về chất lượng dịch vụ (SLA) đối với từng dịch vụ cung cấp khi cung cấp dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ trung tâm dữ liệu.

- Công bố thông tin về chất lượng dịch vụ theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 28 Luật Viễn thông khi cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet.

- Thông tin về giá dịch vụ khi cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet.

Phần 3. Cam kết

(Tên, tổ chức doanh nghiệp) xin cam kết:

- Đã hiểu và cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông khi cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

3. Thủ tục Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép phải gửi hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. 4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp có trách nhiệm công khai nội dung giấy phép quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 5 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 5. Doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 12 tại <i>Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP</i>

	trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp; - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 09 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có

	Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	1. Mẫu đơn theo Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 06 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 09 - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông Mẫu số 12 - Thông báo chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông 2. Mẫu đơn theo Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP Mẫu số 01 - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Có vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. - Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; - Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị

	định đề cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i> - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN

I. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				

4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 133 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư³ số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1 Đề nghị cấp giấy phép lần đầu: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

a) Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

- Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao

³ Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

b) Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

2. Đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn:

a) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN
ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

1. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

2. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ... để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG

(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ ;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

*Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ... giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng số... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);
Theo đề nghị của...*

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ...

năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi thiết lập mạng:

a) Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất, không sử dụng băng tần, không sử dụng số thuê bao viễn thông. Doanh nghiệp được quyền cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê cơ sở hạ tầng viễn thông của mình.

b) Phạm vi thiết lập mạng viễn thông công cộng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng trong phạm vi một tỉnh, thành phố.

2. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm các dịch vụ:...

b) Phạm vi liên lạc: (trong nước, quốc tế).

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi *một tỉnh, thành phố*.

3. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

4. Kết nối: *Doanh nghiệp được kết nối mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này với các mạng viễn thông công cộng khác, có nghĩa vụ cho các doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.*

5. Kho số viễn thông: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.*

6. Tài nguyên Internet: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.*

7. Tần số vô tuyến điện:

- *Doanh nghiệp không được cấp và sử dụng băng tần số vô tuyến điện và kênh tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. (Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng không sử dụng băng tần/kênh tần số vô tuyến điện được cấp phép cho doanh nghiệp).*

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép:

a) Thực hiện đầu tư thiết lập mạng viễn thông công cộng theo cấu hình mạng, đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông theo các Phụ lục... của Giấy phép này.

b) Phát triển mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông, chất lượng dịch vụ viễn thông:

a) Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thiết lập mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin; chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ .

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng, nội dung Phụ lục được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

CHÍNH THỨC KHAI THÁC MẠNG VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG/ CHÍNH THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

I. Thông tin về giấy phép

Giấy phép (tên giấy phép) số cấp ngày ... tháng ... năm ...

II. Thông tin về mạng viễn thông được khai thác/dịch vụ viễn thông được cung cấp

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

- a) Ngày chính thức khai thác mạng
- b) Phạm vi mạng đã được thiết lập
- c) Cấu hình mạng viễn thông
- d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn
- đ) Ngày chính thức cung cấp dịch vụ
- e) Loại hình dịch vụ cung cấp
- g) Phạm vi cung cấp dịch vụ
- h) Giá dịch vụ và hình thức thanh toán giá dịch vụ
- i) Tài nguyên viễn thông đang sử dụng
- k) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- a) Ngày chính thức cung cấp dịch vụ
- b) Loại hình dịch vụ cung cấp
- c) Phạm vi cung cấp dịch vụ
- d) Các địa chỉ đặt hệ thống trang thiết bị để cung cấp dịch vụ
- đ) Sơ đồ hệ thống thiết bị
- e) Thuê kênh và kết nối

- g) Tài nguyên viễn thông đang sử dụng
 - h) Giá dịch vụ và hình thức thanh toán giá dịch vụ
 - i) Quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ đang áp dụng
- Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

4. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP tại điểm b Khoản 6 Mục VI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy phép khi có thay đổi phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và

	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi, bổ sung bản sao giấy phép để phối hợp quản lý.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - <i>Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 1 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	1. Mẫu đơn theo Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 13 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông 2. <i>Mẫu đơn theo Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> <i>Mẫu số 01 - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên</i>

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	I. Các điều kiện chung theo Luật Viễn thông 1. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Chính phủ; c) <i>Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan;</i> d) Bảo đảm cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần, kênh tần số vô tuyến điện được cấp theo hình thức đấu giá, thi tuyển hoặc đối với băng tần được cấp lại; đ) Trúng đấu giá, trúng thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đủ điều kiện được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. 2. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Chính phủ; c) <i>Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan;</i> d) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo quy định của Chính phủ. 3. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; b) <i>Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy</i>

	<i>hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan.</i> II. Các điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu và triển khai mạng viễn thông theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 163/2024/NĐ-CP), cụ thể như sau: A. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. c) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng

	cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 3. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng quy định tại khoản 1, khoản 2 nêu trên có sử dụng băng tần số vô tuyến điện hoặc kênh tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc cấp lại giấy phép sử dụng băng tần thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. B. Đối với mạng viễn thông công cộng di động mặt đất 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 500 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá

	hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 20 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 60 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 3. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo) phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông và có thỏa thuận bằng văn bản về việc thuê mạng viễn thông di động mặt đất với doanh nghiệp đã được cấp phép để triển khai kinh doanh dịch vụ viễn thông. C. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh và di động vệ tinh Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh hoặc di động vệ tinh phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ

	và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: 1. Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. 2. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - <i>Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh</i> - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ: Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN

I. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG

(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ ;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của;

Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ... giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng số... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi thiết lập mạng:

a) Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất, không sử dụng băng tần, không sử dụng số thuê bao viễn thông. Doanh nghiệp được quyền cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê cơ sở hạ tầng viễn thông của mình.

b) Phạm vi thiết lập mạng viễn thông công cộng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng trong phạm vi một tỉnh, thành phố.

2. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm các dịch vụ:...

b) Phạm vi liên lạc: (trong nước, quốc tế).

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi *một tỉnh, thành phố*.

3. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

4. Kết nối: *Doanh nghiệp được kết nối mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này với các mạng viễn thông công cộng khác, có nghĩa vụ cho các doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.*

5. Kho số viễn thông: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.*

6. Tài nguyên Internet: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.*

7. Tần số vô tuyến điện:

- *Doanh nghiệp không được cấp và sử dụng băng tần số vô tuyến điện và kênh tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. (Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng không sử dụng băng tần/kênh tần số vô tuyến điện được cấp phép cho doanh nghiệp).*

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép:

a) Thực hiện đầu tư thiết lập mạng viễn thông công cộng theo cấu hình mạng, đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông theo các Phụ lục... của Giấy phép này.

b) Phát triển mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông, chất lượng dịch vụ viễn thông:

a) Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thiết lập mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin; chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ .

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng, nội dung Phụ lục được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyên mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ
thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng
đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt
khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
 - Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
- d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
- đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
- e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
- g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ
Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
- h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.
- i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
- Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

5. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy phép khi có thay đổi phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi,

	bổ sung bản sao giấy phép để phối hợp quản lý.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - <i>Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 1 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.</i> 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	1. Mẫu đơn theo Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 13 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông 2. <i>Mẫu đơn theo Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> <i>Mẫu số 01 - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm</i>

	đầu tiên
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	I. Các điều kiện chung theo Luật Viễn thông 1. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Chính phủ; c) <i>Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan;</i> d) Bảo đảm cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần, kênh tần số vô tuyến điện được cấp theo hình thức đấu giá, thi tuyển hoặc đối với băng tần được cấp lại; đ) Trúng đấu giá, trúng thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đủ điều kiện được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần. 2. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Chính phủ; c) <i>Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan;</i> d) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo quy định của Chính phủ. 3. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có

	đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; b) <i>Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan.</i> II. Các điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu và triển khai mạng viễn thông theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 163/2024/NĐ-CP), cụ thể như sau: A. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. c) Thiết lập mạng viễn thông trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ

	vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Thiết lập mạng trong phạm vi khu vực (từ 02 đến 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. b) Thiết lập mạng trong phạm vi toàn quốc (trên 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. 3. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng quy định tại khoản 1, khoản 2 nêu trên có sử dụng băng tần số vô tuyến điện hoặc kênh tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc cấp lại giấy phép sử dụng băng tần thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. B. Đối với mạng viễn thông công cộng di động mặt đất 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng

	di động mặt đất sử dụng băng tần cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 500 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện hoặc đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng băng tần theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 2. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 20 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 60 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng kênh tần số vô tuyến điện cấp thông qua đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thì điều kiện về triển khai mạng viễn thông thực hiện theo cam kết triển khai mạng viễn thông khi tham gia đấu giá hoặc thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 3. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (mạng viễn thông di động ảo) phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: a) Vốn điều lệ: Tối thiểu 300 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. b) Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực

	hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 1000 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông và có thỏa thuận bằng văn bản về việc thuê mạng viễn thông di động mặt đất với doanh nghiệp đã được cấp phép để triển khai kinh doanh dịch vụ viễn thông. C. Đối với mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh và di động vệ tinh Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định vệ tinh hoặc di động vệ tinh phải đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ và điều kiện về triển khai mạng viễn thông như sau: 1. Vốn điều lệ: Tối thiểu 30 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. 2. Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 100 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh</i> - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ: Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

	- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

....., ngày ... tháng ... năm

KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP
Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN

I. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG

(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ ;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ... giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng số... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi thiết lập mạng:

a) Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất, không sử dụng băng tần, không sử dụng số thuê bao viễn thông. Doanh nghiệp được quyền cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê cơ sở hạ tầng viễn thông của mình.

b) Phạm vi thiết lập mạng viễn thông công cộng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng trong phạm vi một tỉnh, thành phố.

2. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm các dịch vụ:...

b) Phạm vi liên lạc: (trong nước, quốc tế).

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi *một tỉnh, thành phố*.

3. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

4. Kết nối: *Doanh nghiệp được kết nối mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này với các mạng viễn thông công cộng khác, có nghĩa vụ cho các doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.*

5. Kho số viễn thông: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.*

6. Tài nguyên Internet: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.*

7. Tần số vô tuyến điện:

- *Doanh nghiệp không được cấp và sử dụng băng tần số vô tuyến điện và kênh tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. (Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng không sử dụng băng tần/kênh tần số vô tuyến điện được cấp phép cho doanh nghiệp).*

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép:

a) Thực hiện đầu tư thiết lập mạng viễn thông công cộng theo cấu hình mạng, đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông theo các Phụ lục... của Giấy phép này.

b) Phát triển mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông, chất lượng dịch vụ viễn thông:

a) Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thiết lập mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin; chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ .

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng, nội dung Phụ lục được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁵ số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:
Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.....

⁵ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyên mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ
thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng
đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt
khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

6. Thủ tục Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp muốn cấp lại giấy phép phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ. Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông còn thời hạn tối đa 90 và ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được cấp lại bản sao giấy phép để phối hợp quản lý theo chức năng nhiệm vụ. b) Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i>

	- <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp; - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 09 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và	1. Mẫu đơn theo Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

đính kèm)	Mẫu số 06 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 09 - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông 2. Mẫu đơn theo Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP Mẫu số 01 - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Có vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. - <i>Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan;</i> - Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. - Việc xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cần xem xét việc tuân thủ quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại và quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026

	của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. <i>- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i> <i>- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ: Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP
Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN

I. Dự báo và phân tích thị trường

- Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
- Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
- Phân tích năng lực của công ty.
- Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

- Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

- Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				
3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông

tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối

tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;
- c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;
- d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁶ số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1 Đề nghị cấp giấy phép lần đầu: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

a) Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

- Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao

⁶ Trường hợp cơ quan giải quyết đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

b) Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

2. Đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn:

a) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

CAM KẾT THỰC HIỆN
ĐIỀU KIỆN VỀ TRIỂN KHAI MẠNG VIỄN THÔNG
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

Kính gửi:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư): ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ...cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., *đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tại.....*

Điện thoại: Fax: Website

Chấp hành Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông, (*tên doanh nghiệp*):

3. Cam kết thực hiện đúng các quy định tại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng.

4. Trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép, cam kết đầu tư với tổng số vốn đầu tư là ...để thiết lập mạng viễn thông theo quy định tại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được cấp.

(Tên doanh nghiệp) chịu trách nhiệm về nội dung đã cam kết trên đây và sẽ chịu xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về viễn thông và quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nếu vi phạm thực hiện giấy phép.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG

(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 55/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ ;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

*Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ... giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng số... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);
Theo đề nghị của...*

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi thiết lập mạng:

a) Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất, không sử dụng băng tần, không sử dụng số thuê bao viễn thông. Doanh nghiệp được quyền cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê cơ sở hạ tầng viễn thông của mình.

b) Phạm vi thiết lập mạng viễn thông công cộng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng trong phạm vi một tỉnh, thành phố.

2. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm các dịch vụ:...

b) Phạm vi liên lạc: (trong nước, quốc tế).

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi *một tỉnh, thành phố*.

3. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

4. Kết nối: *Doanh nghiệp được kết nối mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này với các mạng viễn thông công cộng khác, có nghĩa vụ cho các doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.*

5. Kho số viễn thông: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.*

6. Tài nguyên Internet: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.*

7. Tần số vô tuyến điện:

- *Doanh nghiệp không được cấp và sử dụng băng tần số vô tuyến điện và kênh tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. (Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng không sử dụng băng tần/kênh tần số vô tuyến điện được cấp phép cho doanh nghiệp).*

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép:

a) Thực hiện đầu tư thiết lập mạng viễn thông công cộng theo cấu hình mạng, đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông theo các Phụ lục... của Giấy phép này.

b) Phát triển mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông, chất lượng dịch vụ viễn thông:

a) Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thiết lập mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin; chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ .

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng, nội dung Phụ lục được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyên mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ
thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng
đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt
khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

- Như trên;

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

-

7. Thủ tục Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được gia hạn bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. b) Trường hợp từ chối gia hạn, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn

	thông theo Mẫu số 02 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Tài liệu về việc doanh nghiệp đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi đối với trường hợp gia hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo Mẫu số 10, tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 10 - Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 02 - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông; 2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó

	thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm. Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa bao gồm: a) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông; b) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i> - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa).....

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do cấp ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng... năm tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số.... cấp ngày tháng năm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

☐ Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Cam kết đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành (nếu đề nghị gia hạn giấy phép thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP).

3. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

4. Nếu được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu/ký số)*

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG

(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 55/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ ;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của;

*Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ... giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng số... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);
Theo đề nghị của...*

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi thiết lập mạng:

a) Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất, không sử dụng băng tần, không sử dụng số thuê bao viễn thông. Doanh nghiệp được quyền cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê cơ sở hạ tầng viễn thông của mình.

b) Phạm vi thiết lập mạng viễn thông công cộng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng trong phạm vi một tỉnh, thành phố.

2. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm các dịch vụ:...

b) Phạm vi liên lạc: (trong nước, quốc tế).

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi *một tỉnh, thành phố*.

3. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

4. Kết nối: *Doanh nghiệp được kết nối mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này với các mạng viễn thông công cộng khác, có nghĩa vụ cho các doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.*

5. Kho số viễn thông: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.*

6. Tài nguyên Internet: *Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.*

7. Tần số vô tuyến điện:

- *Doanh nghiệp không được cấp và sử dụng băng tần số vô tuyến điện và kênh tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. (Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng không sử dụng băng tần/kênh tần số vô tuyến điện được cấp phép cho doanh nghiệp).*

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép:

a) Thực hiện đầu tư thiết lập mạng viễn thông công cộng theo cấu hình mạng, đáp ứng điều kiện triển khai mạng viễn thông theo các Phụ lục... của Giấy phép này.

b) Phát triển mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông, chất lượng dịch vụ viễn thông:

a) Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thiết lập mạng viễn thông công cộng, cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin; chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ .

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng, nội dung Phụ lục được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyên mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ
thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng
đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt
khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

- Như trên;

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

-

8. Thủ tục Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	Trường hợp doanh nghiệp chưa chính thức cung cấp dịch vụ hoặc chưa chính thức khai thác mạng viễn thông và tự nguyện hoàn trả giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do thay đổi định hướng kinh doanh hoặc không thể triển khai các nội dung giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thu hồi giấy phép theo thẩm quyền trong thời hạn <i>08 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>08 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự kiến hoặc có hoạt động thiết lập mạng viễn thông
Kết quả thực hiện	Quyết định thu hồi giấy phép

thủ tục hành chính	
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 16 - Đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Doanh nghiệp viễn thông bị thu hồi giấy phép có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định liên quan đến giấy phép viễn thông bị thu hồi tính đến thời điểm quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

Mẫu số 16

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG/
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ghi bằng chữ in hoa).
2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁷ số: ... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại
4. Điện thoại: Fax: Website
5. Thông tin về giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông số....do....cấp ngày... tháng... năm):
6. Lý do đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông:...

Phần 2. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

⁷ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

9. Thủ tục Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trình tự thực hiện	1. Khi phát sinh tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP, doanh nghiệp viễn thông gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp triển khai thiết lập mạng theo giấy phép. 2. Trong thời hạn <i>11 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các bên tranh chấp có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin, chứng cứ có liên quan và có nghĩa vụ tham gia giải quyết tranh chấp. Kết quả giải quyết tranh chấp phải được lập thành văn bản. 3. Trong thời hạn <i>05 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc giải quyết tranh chấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giải quyết tranh chấp.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>16 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp triển khai thiết lập mạng theo giấy phép
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định giải quyết tranh chấp

Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 01 - Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ: Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

Số:

..., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

TRONG KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, ghi bằng chữ in hoa)
2. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
3. Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ ghi trên giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông)
4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Nội dung đề nghị

Đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

- Loại hình tranh chấp:

- ☐ Tranh chấp về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông.
- ☐ Tranh chấp về hoạt động bán buôn trong viễn thông.

- Các bên liên quan:

- Mô tả chi tiết về tranh chấp:.....

Phần 3. Tài liệu kèm theo

Các chứng cứ, tài liệu có liên quan (liệt kê tên từng chứng cứ, tài liệu nếu có).

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

10. Thủ tục Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép phải gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. 4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp có trách nhiệm công khai nội dung giấy phép quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 5 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 5. Doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 12 tại Phụ lục này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm</i>

	<i>Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Bản sao Điều lệ đang có hiệu lực của doanh nghiệp và có xác nhận của doanh nghiệp; - Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên tương ứng với kế hoạch kinh doanh trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng theo <i>mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	1. Mẫu đơn theo Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 06 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 12 - Thông báo chính thức khai thác mạng viễn thông công cộng, chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông 2. <i>Mẫu đơn theo Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> Mẫu số 01 - <i>Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - <i>Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm</i>

	<i>quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan.</i>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i> - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
_____ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...
(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN

I. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				

2				
3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.
2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.
3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:
 - a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
 - b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
 - c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;
 - d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
 - đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
 - e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.
4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).
5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.
6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.
7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông,

hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

- Phần 1. Thông tin chung**
1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....
2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại
4. Điện thoại: Fax: Website

- Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép**
- 1 Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** *(Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)*
- a) Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:
- Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

b) Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

2. Đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn:

a) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG

(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ...giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của ...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng có định mặt đất sau:...

b) Phạm vi liên lạc: Trong nước/quốc tế.

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố/khu vực gồm ... tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/toàn quốc (Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông quy định tại Phụ lục của Giấy phép này).

2. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

3. Đường truyền dẫn và kết nối viễn thông: Doanh nghiệp được quyền xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, điểm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác; được thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông mà mình đã thuê nếu được doanh nghiệp viễn thông cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông đồng ý. Doanh nghiệp viễn thông có quyền kết nối mạng viễn thông của mình với mạng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác; có nghĩa vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông được cung cấp theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.

4. Kho số viễn thông: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

5. Tài nguyên Internet: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép: Đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung của giấy phép này phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng dịch vụ viễn thông: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

CHÍNH THỨC KHAI THÁC MẠNG VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG/ CHÍNH THỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

I. Thông tin về giấy phép

Giấy phép (tên giấy phép) số cấp ngày ... tháng ... năm ...

II. Thông tin về mạng viễn thông được khai thác/dịch vụ viễn thông được cung cấp

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

- a) Ngày chính thức khai thác mạng
- b) Phạm vi mạng đã được thiết lập
- c) Cấu hình mạng viễn thông
- d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn
- đ) Ngày chính thức cung cấp dịch vụ
- e) Loại hình dịch vụ cung cấp
- g) Phạm vi cung cấp dịch vụ
- h) Giá dịch vụ và hình thức thanh toán giá dịch vụ
- i) Tài nguyên viễn thông đang sử dụng
- k) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- a) Ngày chính thức cung cấp dịch vụ
 - b) Loại hình dịch vụ cung cấp
 - c) Phạm vi cung cấp dịch vụ
 - d) Các địa chỉ đặt hệ thống trang thiết bị để cung cấp dịch vụ
 - đ) Sơ đồ hệ thống thiết bị
 - e) Thuê kênh và kết nối
 - g) Tài nguyên viễn thông đang sử dụng
 - h) Giá dịch vụ và hình thức thanh toán giá dịch vụ
 - i) Quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ đang áp dụng
- Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

11. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép khi có ít nhất một trong các thay đổi sau: a) Thay đổi tên doanh nghiệp được cấp phép theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; b) Ngừng một phần hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông tại giấy phép đã được cấp. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi, bổ sung bản sao giấy phép để phối hợp quản lý.
Cách thức thực	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:

hiện	- <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 11 - Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng Mẫu số 13 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<i>Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép</i>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025

	của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i> - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG

(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ...giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của ...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng có định mặt đất sau:...

b) Phạm vi liên lạc: Trong nước/quốc tế.

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố/khu vực gồm ... tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/toàn quốc (Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông quy định tại Phụ lục của Giấy phép này).

2. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

3. Đường truyền dẫn và kết nối viễn thông: Doanh nghiệp được quyền xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, điểm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác; được thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông mà mình đã thuê nếu được doanh nghiệp viễn thông cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông đồng ý. Doanh nghiệp viễn thông có quyền kết nối mạng viễn thông của mình với mạng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác; có nghĩa vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông được cung cấp theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.

4. Kho số viễn thông: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

5. Tài nguyên Internet: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép: Đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung của giấy phép này phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng dịch vụ viễn thông: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

Số: ...

....., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư⁸ số: ... do..... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:
Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.....

⁸ Trường hợp không tra cứu được trên các cơ sở dữ liệu quốc gia thì đề nghị doanh nghiệp cung cấp bản sao

- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyên mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ
thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng
đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt
khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
 - Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
- d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
- đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
- e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
- g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ
Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
- h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.
- i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
- Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

12. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy phép khi có thay đổi phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi, bổ sung bản sao giấy phép để phối hợp quản lý.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>

Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 01 tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP. 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	1. Mẫu đơn theo Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 13 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông 2. Mẫu đơn theo Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP Mẫu số 01 - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	<i>Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép.</i>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện

	pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i> - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN

I. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.

3. Phân tích năng lực của công ty.

4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				

3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG

(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ...giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của ...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng có định mặt đất sau:...

b) Phạm vi liên lạc: Trong nước/quốc tế.

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố/khu vực gồm ... tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/toàn quốc (Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông quy định tại Phụ lục của Giấy phép này).

2. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

3. Đường truyền dẫn và kết nối viễn thông: Doanh nghiệp được quyền xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, điểm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác; được thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông mà mình đã thuê nếu được doanh nghiệp viễn thông cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông đồng ý. Doanh nghiệp viễn thông có quyền kết nối mạng viễn thông của mình với mạng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác; có nghĩa vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông được cung cấp theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.

4. Kho số viễn thông: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

5. Tài nguyên Internet: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép: Đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung của giấy phép này phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng dịch vụ viễn thông: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

- 2.....
- 3.....
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.
2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyên mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ
thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng
đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt
khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
 - Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
- d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
- đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
- e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
- g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ
Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
- h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.
- i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
- Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

13. Thủ tục Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

Trình tự thực hiện	1. Khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được gia hạn bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. b) Trường hợp từ chối gia hạn, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo <i>Mẫu số 02 tại Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ

	viễn thông kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Tài liệu về việc doanh nghiệp đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi đối với trường hợp gia hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	1. Mẫu đơn theo Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 11 - Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông 2. <i>Mẫu đơn theo Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i> Mẫu số 02 - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông; 2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm. Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa bao gồm: a) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông;

	b) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - <i>Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.</i> - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ ngày 07/04/2026 về việc Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i>

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa).....

2. Địa chỉ trụ sở chính (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do cấp ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng... năm tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số.... cấp ngày tháng năm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

☐ Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng...năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Cam kết đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành (nếu đề nghị gia hạn giấy phép thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP).

3. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

4. Nếu được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu/ký số)*

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG

(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ...giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của ...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng có định mặt đất sau:...

b) Phạm vi liên lạc: Trong nước/quốc tế.

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố/khu vực gồm ... tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/toàn quốc (Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông quy định tại Phụ lục của Giấy phép này).

2. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

3. Đường truyền dẫn và kết nối viễn thông: Doanh nghiệp được quyền xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, điểm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác; được thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông mà mình đã thuê nếu được doanh nghiệp viễn thông cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông đồng ý. Doanh nghiệp viễn thông có quyền kết nối mạng viễn thông của mình với mạng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác; có nghĩa vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông được cung cấp theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.

4. Kho số viễn thông: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

5. Tài nguyên Internet: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép: Đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung của giấy phép này phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng dịch vụ viễn thông: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyên mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ
thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng
đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt
khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
 - Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
 - Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
 - Các vấn đề khác (nếu có).
- e) Kết nối viễn thông
- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
 - Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
- g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
 - Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
 - Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
- h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
- i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.
Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
- k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.
- l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
- m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông
Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

- a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.
- b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp
- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
 - Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
 - Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
 - Các vấn đề khác (nếu có).
- c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
 - Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
- d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
- đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
- e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
- g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ
Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.
- h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.
- i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.
- Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

14. Thủ tục Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp muốn cấp lại giấy phép phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ. Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông còn thời hạn tối đa 90 và ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được cấp lại bản sao giấy phép để phối hợp quản lý theo chức năng nhiệm vụ. b) Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm</i>

	<i>Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP; - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 14 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng Mẫu số 11 tại Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	1. Mẫu đơn theo Phụ lục I Nghị định số 133/2025/NĐ-CP Mẫu số 06 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông Mẫu số 14 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông 2. Mẫu đơn theo Phụ lục VI Nghị định số 15/2026/NĐ-CP Mẫu số 01 - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

hành chính (nếu có)	- Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan; - Việc xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cần xem xét việc tuân thủ quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại và quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ ngày 07/04/2026 về việc Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN
KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị ... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN

I. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.

3. Phân tích năng lực của công ty.

4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	Số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

TT	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)
1				
2				

3				
4				

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty.

5. Mục tiêu đặt ra cho 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

6. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng:

1. Loại mạng viễn thông công cộng và phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng.

2. Loại hình dịch vụ viễn thông, phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

3. Kế hoạch thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;

b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;

c) Kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (nhà, trạm, cột, cống, bể cáp,...) để thiết lập mạng;

d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);

đ) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;

e) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

4. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

5. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

6. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

7. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

8. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

Đối với hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

1. Cấu hình mạng viễn thông

a) Cấu hình mạng viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Tổng thể cơ sở hạ tầng viễn thông (trong nước, quốc tế): dung lượng mạng, kế hoạch truyền dẫn, kế hoạch chuyển mạch, kế hoạch định tuyến, kế hoạch báo hiệu, kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

2. Thiết bị mạng

Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị, chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm cổng quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng vô tuyến, các thiết bị lắp đặt khác*).

3. Năng lực mạng viễn thông và thiết bị viễn thông

Phạm vi địa lý dự kiến thiết lập mạng khi bắt đầu hoạt động và kế hoạch phát triển cho 5 năm đầu tiên; dung lượng ban đầu; dự kiến nâng cấp, mở rộng dung lượng trong các năm tiếp theo cho đến hết thời hạn của giấy phép.

4. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tần số vô tuyến điện cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

5. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

6. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng mạng lưới

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông/cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

7. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

8. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Số:

..., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

- Phần 1. Thông tin chung**
1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....
2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng..... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại
4. Điện thoại: Fax: Website

- Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép**
- 1 Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** *(Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)*
- a) Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:
- Giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

b) Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

2. Đề nghị cấp lại giấy phép do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn:

a) Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (*tên giấy phép*) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

b) Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP

CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG

(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ...giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của ...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm, thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng có định mặt đất sau:...

b) Phạm vi liên lạc: Trong nước/quốc tế.

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố/khu vực gồm ... tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/toàn quốc (Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông quy định tại Phụ lục của Giấy phép này).

2. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

3. Đường truyền dẫn và kết nối viễn thông: Doanh nghiệp được quyền xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, điểm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác; được thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông mà mình đã thuê nếu được doanh nghiệp viễn thông cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông đồng ý. Doanh nghiệp viễn thông có quyền kết nối mạng viễn thông của mình với mạng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác; có nghĩa vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông được cung cấp theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.

4. Kho số viễn thông: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

5. Tài nguyên Internet: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép: Đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung của giấy phép này phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng dịch vụ viễn thông: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do...cấp ngày...tháng...năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng

a) Dung lượng mạng

Chi tiết và năng lực truyền dẫn, chuyên mạch, định tuyến, báo hiệu, hạ tầng kỹ
thuật viễn thông thụ động.

b) Thiết bị mạng viễn thông

- Vị trí lắp đặt thiết bị;

- Chi tiết kỹ thuật mạng viễn thông (*trạm công quốc tế, tổng đài nội hạt, tổng
đài trung kế, tổng đài tandem, các tuyến cáp truyền dẫn mặt đất, các thiết bị lắp đặt
khác, tần số vô tuyến điện cần sử dụng...*).

c) Phạm vi phủ sóng của mạng viễn thông

Phạm vi phủ sóng phát triển qua từng năm.

d) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

đ) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
- Các vấn đề khác (nếu có).

e) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

g) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Công nghệ sử dụng cho hệ thống chuyển mạch, truyền dẫn, truy nhập nội hạt để thiết lập mạng viễn thông công cộng;
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu;
- Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

h) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

i) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ.

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

k) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

l) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

m) Kết quả đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông

Số tiền đã đầu tư thực tế để thiết lập mạng viễn thông.

2. Đối với giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng

a) Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.

b) Đối với từng dịch vụ đã cung cấp

- Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;

- Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;

- Các vấn đề khác (nếu có).

c) Kết nối viễn thông

- Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;

- Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.

d) Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;

- Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.

đ) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.

e) Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

g) Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

h) Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

i) Nhân lực: Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

15. Thủ tục Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông

Trình tự thực hiện	Trường hợp doanh nghiệp chưa chính thức cung cấp dịch vụ hoặc chưa chính thức khai thác mạng viễn thông và tự nguyện hoàn trả giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông do thay đổi định hướng kinh doanh hoặc không thể triển khai các nội dung giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép quyết định thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông quyết định thu hồi giấy phép theo thẩm quyền trong thời hạn <i>08 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>08 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	- Doanh nghiệp viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) - Doanh nghiệp đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định thu hồi giấy phép/giấy chứng nhận
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu	Mẫu số 16 - Đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch

tờ khai (nếu có và đính kèm)	vụ viễn thông, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Doanh nghiệp viễn thông bị thu hồi giấy phép có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định liên quan đến giấy phép viễn thông bị thu hồi tính đến thời điểm quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ ngày 29/04/2026 về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI

GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG/

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ghi bằng chữ in hoa).

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Thông tin về giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông số....do....cấp ngày... tháng... năm):

6. Lý do đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông:...

Phần 2. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

16. Thủ tục Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

Trình tự thực hiện	1. Khi phát sinh tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP, doanh nghiệp viễn thông gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp triển khai thiết lập mạng theo giấy phép. 2. Trong thời hạn <i>11 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các bên tranh chấp có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin, chứng cứ có liên quan và có nghĩa vụ tham gia giải quyết tranh chấp. Kết quả giải quyết tranh chấp phải được lập thành văn bản. 3. Trong thời hạn <i>05 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc giải quyết tranh chấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giải quyết tranh chấp.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>16 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép cho doanh nghiệp
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định giải quyết tranh chấp

Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 01 - Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ: Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

Số:

..., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

TRONG KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, ghi bằng chữ in hoa)
2. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...
3. Địa chỉ trụ sở chính: (*địa chỉ ghi trên giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông*)
4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Nội dung đề nghị

Đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

- Loại hình tranh chấp:

- ☐ Tranh chấp về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông.
- ☐ Tranh chấp về hoạt động bán buôn trong viễn thông.

- Các bên liên quan:

- Mô tả chi tiết về tranh chấp:.....

Phần 3. Tài liệu kèm theo

Các chứng cứ, tài liệu có liên quan (liệt kê tên từng chứng cứ, tài liệu nếu có).

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

17. Thủ tục Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá.

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hoàn trả số thuê bao di động H2H theo hình thức trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi ra quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá; 2. Trong thời hạn <i>03 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, ban hành quyết định về việc hoàn trả số thuê bao di động H2H. Trường hợp không chấp nhận việc hoàn trả số thuê bao di động H2H, trong thời hạn <i>03 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do không chấp nhận.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị hoàn trả số thuê bao di động H2H theo Mẫu số 26 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Bản sao quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H; - Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước (đối với cá nhân). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>03 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Người trúng được phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi ra quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định hoàn trả số thuê bao di động H2H phân bổ theo phương thức đấu giá
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 26 - Đơn đề nghị hoàn trả số thuê bao di động H2H phân bổ theo phương thức đấu giá Mẫu số 27 - Quyết định hoàn trả số thuê bao di động H2H phân bổ theo phương thức đấu giá
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục	Không có

hành chính (nếu có)	
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viên thông năm 2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viên thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ: Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP/CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HOÀN TRẢ SỐ THUÊ BAO DI ĐỘNG H2H
PHÂN BỐ THEO PHƯƠNG THỨC ĐẤU GIÁ**

Kính gửi:

1. Thông tin về tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân

1.1 Trường hợp là cá nhân

- Tôi là: Quốc tịch.....
- Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:
- Số thẻ CCCD/CC:..... cấp ngày / /.....tại.....
- Điện thoại:..... Email:.....(nếu có).

1.2 Trường hợp là tổ chức/doanh nghiệp

- Tên tổ chức/doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Đầu mối liên hệ:
- Họ tên: Chức vụ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....(nếu có).

2. Thông tin về số thuê bao di động H2H

STT	Số thuê bao di động H2H (1)	Quyết định phân bổ (2)	
		Số	Ngày tháng năm
1			
2			
...			

Ghi chú:

(1): Ghi rõ số thuê bao di động: ví dụ 0989.999.999.

(2): Ghi rõ Số quyết định: ví dụ: Quyết định số 999/QĐ-CVT ngày 15/5/2025.

3. Tài liệu kèm theo:

3.1 Bản sao Quyết định phân bổ mã, số viễn thông.

3.2 Việc chấp hành quy định sử dụng số thuê bao di động H2H và giải pháp bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc hoàn trả số thuê bao di động (nếu có).

(Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân) cam kết chịu trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hoàn trả số thuê bao di động H2H trúng đấu giá theo quy định của pháp luật.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP/CÁ NHÂN**

(Ký và ghi rõ họ tên (đối với cá nhân); ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (đối với tổ chức, doanh nghiệp))

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-KHCN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hoàn trả số thuê bao di động H2H
phân bổ theo phương thức đấu giá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";
Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;
Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực;
Căn cứ Quyết định số .../2025/QĐ-UBND ngày.... tháng ... năm của UBND tỉnh..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Xét đề nghị của Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân tại Đơn đề nghị hoàn trả số thuê bao di động H2H phân bổ theo phương thức đấu giá số ngày
Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp nhận việc (Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân) có Giấy đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập số.... (đối với Tổ chức, doanh nghiệp), có Căn cước công dân hoặc căn cước số.....(đối với cá nhân) hoàn trả số thuê bao di động H2H sau:

TT	Số thuê bao di động H2H	Số lượng	Quyết định phân bổ		Ghi chú
			Số	Ngày/tháng/năm	

Điều 2. *(Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân)* có trách nhiệm:

1. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông di động có liên quan ngừng việc khai thác mã, số viễn thông nêu trên kể từ ngày chấp nhận hoàn trả.
2. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và các bên có liên quan theo quy định của pháp luật.
3. Thanh toán đầy đủ các khoản lệ phí, phí sử dụng kho số viễn thông theo quy định của pháp luật tính đến ngày chấp nhận hoàn trả số thuê bao di động H2H nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng ..., *Chức vụ người đại diện theo pháp luật của (Tên tổ chức/doanh nghiệp) hoặc tên cá nhân* và Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
-;
- Lưu: VT.

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN RA QUYẾT

ĐỊNH

(Ký tên và đóng dấu)

18. Thủ tục Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá.

Trình tự thực hiện	1. Người trúng đấu giá số thuê bao di động H2H nộp hồ sơ đề nghị phân bổ số thuê bao di động H2H đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 2. Trong thời hạn <i>03 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, ban hành quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H. Trường hợp từ chối phân bổ số thuê bao di động H2H, trong thời hạn <i>03 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời, nêu rõ lý do từ chối.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị phân bổ số thuê bao di động H2H theo Mẫu số 24 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước (đối với cá nhân). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>03 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Người trúng đấu giá số thuê bao di động H2H
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 24 - Đơn đề nghị phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá Mẫu số 25 - Quyết định phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ: Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÂN BỐ SỐ THUÊ BAO DI ĐỘNG H2H
THEO PHƯƠNG THỨC ĐẤU GIÁ

Kính gửi:

1. Thông tin tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân:

1.1 Trường hợp là cá nhân

- Họ tên: Quốc tịch.....
- Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:
- Số thẻ CCCD/CC:..... cấp ngày / /.....tại.....
- Điện thoại:..... Email:.....(nếu có)

1.2 Trường hợp là tổ chức/doanh nghiệp

- Tên tổ chức/doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Giấy đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập:
- Đầu mối liên hệ:
- Họ tên: Chức vụ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....

2. Thông tin về số thuê bao di động H2H.

STT	Số thuê bao di động H2H	Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá
	(1)	(2)

Ghi chú:

(1): Ghi rõ số thuê bao di động trúng đấu giá: ví dụ 0989.999.999.

(2): Ghi rõ Số quyết định phê duyệt kết quả đấu giá của Bộ KHCN, ví dụ: Quyết định số 999/QĐ-BKHCN ngày 01/3/2025.

3. Tài liệu kèm theo:

3.1 Trường hợp là cá nhân: Bản sao căn cước công dân hoặc căn cước;

3.2 Trường hợp là tổ chức, doanh nghiệp:

Bản sao có chứng thực quyết định thành lập (đối với tổ chức không phải doanh nghiệp); bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư;

3.3 Giấy tờ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính của người trúng đấu giá theo quy định của pháp luật.

(Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân) xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai *(Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân)* xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP/CÁ NHÂN

(Ký và ghi rõ họ tên (đối với cá nhân); ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (đối với tổ chức, doanh nghiệp))

Số: .../QĐ-.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../2025/QĐ-UBND ngày.... tháng ... năm của UBND tỉnh..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đề nghị của Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân tại Đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông số ngày

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá cho (Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân) có Giấy đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập số.... (đối với tổ chức, doanh nghiệp), có Căn cước công dân hoặc căn cước số.....(đối với cá nhân) như sau:

STT	Số thuê bao di động H2H	Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá
	(1)	(2)

Ghi chú:

(1): Ghi rõ số thuê bao di động: ví dụ 0989.999.999.

(2): Ghi rõ Số quyết định phê duyệt kết quả đấu giá của Bộ KHCN, ví dụ: Quyết định số 998/QĐ-BKHCN ngày 01/3/2025.

Điều 2. (Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân) có trách nhiệm trong việc sử dụng

số thuê bao di động H2H trúng đấu giá được phân bổ như sau:

1. Sử dụng số thuê bao di động trúng đấu giá theo đúng pháp luật về Quy hoạch kho số viễn thông và Quy định về quản lý kho số viễn thông.

2. Nộp lệ phí phân bổ số thuê bao di động H2H trúng đấu giá theo quy định của pháp luật.

3. *(Tên tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân)* phải hoà mạng sử dụng dịch vụ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

4. Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông có liên quan đưa số thuê bao di động H2H vào sử dụng.

5. Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ khi không còn nhu cầu sử dụng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng, và *Chức vụ người đại diện theo pháp luật của (Tên tổ chức/doanh nghiệp) hoặc (tên cá nhân)* và Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

-.....;

- Lưu: VT.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên và đóng dấu)

19. Thủ tục Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (trừ doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông.

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (trừ doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông phải gửi hồ sơ thông báo ngừng kinh doanh dịch vụ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính ít nhất 30 ngày trước ngày dự định ngừng kinh doanh. 2. Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm thông báo cho người sử dụng dịch vụ viễn thông và các bên có liên quan, công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về việc ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông ít nhất 30 ngày trước khi chính thức ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông. 3. Trường hợp phải sửa đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông do ngừng kinh doanh dịch vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính có trách nhiệm

	yêu cầu doanh nghiệp viễn thông thực hiện việc sửa đổi, bổ sung giấy phép theo quy định. 4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm hoàn trả tài nguyên viễn thông đã được phân bổ đối với dịch vụ hoặc phần dịch vụ ngừng kinh doanh (nếu có). 5. Trường hợp doanh nghiệp ngừng toàn bộ hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông được quy định trong giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông đã được cấp và đã hoàn thành thủ tục ngừng toàn bộ hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định tại Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i>, cơ quan cấp phép viễn thông quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông theo thẩm quyền.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Thông báo ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông theo <i>Mẫu số 09 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Không có
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp, trừ doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông/ giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Mẫu số 09 - Thông báo ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Doanh nghiệp viễn thông chỉ được ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ dịch vụ viễn thông nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đã giao kết và của các bên có liên quan; b) Đã thông báo cho <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i> về việc ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông. 2. Trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do doanh nghiệp vi phạm pháp luật, doanh nghiệp phải có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đã giao kết và phương án khắc phục vi phạm, báo cáo <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ</i> bằng văn bản.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm ...

THÔNG BÁO NGỪNG KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ghi bằng chữ in hoa).
2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ..., đăng ký thay đổi lần thứ ...ngày....
4. Điện thoại: Fax: Website
5. Thông tin về giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (*giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng*) số...do...cấp ngày... tháng... năm):
6. Dịch vụ ngừng kinh doanh, thời gian bắt đầu ngừng kinh doanh, lý do ngừng kinh doanh, phạm vi ngừng kinh doanh.
7. Biện pháp và cam kết bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đã giao kết và của các bên có liên quan.

Phần 2. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 3. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong thông báo ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính với nhà nước liên quan đến giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

20. Thủ tục Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của các doanh nghiệp viễn thông (trừ doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất).

Trình tự thực hiện	Khi phát sinh tranh chấp về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Nghị định số 163/20024/NĐ-CP hoặc tranh chấp về hoạt động bán buôn trong viễn thông, Doanh nghiệp viễn thông có thể đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông theo trình tự như sau: 1. Doanh nghiệp viễn thông gửi Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông theo <i>Mẫu số 10 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i> và các chứng cứ, tài liệu có liên quan đi kèm đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đề nghị giải quyết tranh chấp đặt trụ sở chính. 2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông theo <i>Mẫu số 10 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i>, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các bên tranh chấp có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ thông tin, chứng cứ có liên quan và có nghĩa vụ tham gia giải quyết tranh chấp. Kết quả giải quyết tranh chấp phải được lập thành văn bản. 3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc giải quyết tranh chấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giải quyết tranh chấp. Các bên tranh chấp có nghĩa vụ thi hành quyết định giải quyết tranh chấp, kể cả trường hợp không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp và có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.
Cách thức thực	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:

hiện	- <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông theo <i>Mẫu số 10 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</i>
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	<i>Tổ chức, doanh nghiệp (trừ doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất)</i>
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định giải quyết tranh chấp
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Mẫu số 10 - Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

	<i>- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
TRONG KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, ghi bằng chữ in hoa)

2. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

3. Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ ghi trên giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn

Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Nội dung đề nghị

Đề nghị (tên cơ quan giải quyết tranh chấp) giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

- Loại hình tranh chấp:

☐ Tranh chấp về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông.

☐ Tranh chấp về hoạt động bán buôn trong viễn thông.

- Các bên liên quan:

ô tả chi tiết về tranh chấp:.....

Phần 3. Tài liệu kèm theo

Các chứng cứ, tài liệu có liên quan (liệt kê tên từng chứng cứ, tài liệu nếu có).

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn và các tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

21. Thủ tục Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) phải gửi 01 bộ hồ sơ <i>tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</i> và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i> xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i> thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i> xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i> thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 3. Trường hợp cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng sử dụng tần số vô tuyến điện được cấp thông qua đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an và <i>Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông)</i> bản sao giấy phép để phối hợp quản lý.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo <i>Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị</i>

	<i>quyết số 20/2026/NQ-CP;</i> b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. c) Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo <i>Mẫu số 14 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP;</i> 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng <i>theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn

	thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Mẫu số 11 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)</i> <i>Mẫu số 14 - Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Có phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật này về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i> - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số .../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng

☐ Đề nghị cấp lại giấy phép:

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)

☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM
ĐẦU TIÊN KẾ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN

I. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

Tên tổ chức/ cá nhân	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của

				doanh nghiep)

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

...., ngày....tháng....năm ...

GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG
(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của....;

Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ...giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm....., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất sau:...

b) Phạm vi liên lạc: Trong nước/quốc tế.

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố/khu vực gồm ... tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/toàn quốc (Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông quy định tại Phụ lục của Giấy phép này).

2. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

3. Đường truyền dẫn và kết nối viễn thông: Doanh nghiệp được quyền xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, điểm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác; được thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông mà mình đã thuê nếu được doanh nghiệp viễn thông cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông đồng ý. Doanh nghiệp viễn thông có quyền kết nối mạng viễn thông của mình với mạng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác; có nghĩa vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông được cung cấp theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.

4. Kho số viễn thông: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

5. Tài nguyên Internet: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép: Đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung của giấy phép này phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng dịch vụ viễn thông: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

22. Thủ tục Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp muốn cấp lại giấy phép phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của hồ sơ. 2. Trường hợp đề nghị cấp lại do giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 60 ngày trước ngày giấy phép hết hạn. Yêu cầu về thời hạn nộp hồ sơ này không áp dụng đối với các giấy phép hết hạn trước ngày thứ 60 kể từ ngày Nghị định số 163/2024/NĐ-CP có hiệu lực. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp lại giấy phép dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) một bản sao để phối hợp quản lý theo chức năng nhiệm vụ.

Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo <i>Mẫu số 11 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i>; b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. c) Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo <i>Mẫu số 14 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i>; d) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo <i>Mẫu số 15 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i>. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	12 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành	Doanh nghiệp

chính	
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng <i>theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: 1. Phí - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. 2. Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Mẫu số 11 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)</i> <i>Mẫu số 14 - Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)</i> <i>Mẫu số 15 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP)</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc cấp lại giấy phép viễn thông cho doanh nghiệp được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 36 Luật Viễn thông, có xem xét việc thực hiện nội dung quy định trong giấy phép viễn thông đã cấp và quyền lợi của người sử dụng dịch vụ viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

	- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

☐ **Đề nghị cấp giấy phép lần đầu:** (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp giấy phép)

1. Loại giấy phép đề nghị được cấp phép:

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ, mạng theo quy định tại các Điều 4, Điều 5 Nghị định số/2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

☐ Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng (Điền tên dịch vụ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số .../2024/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn Nghị định).

2. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng

☐ Đề nghị cấp lại giấy phép:

1. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (Mô tả tóm tắt các thông tin về lý do, nhu cầu kinh doanh cần thiết phải đề nghị cấp lại giấy phép)

☐ Cấp lại do giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hết hạn.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 37 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thay đổi nội dung giấy phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

☐ Cấp lại do thuộc trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Thời hạn đề nghị cấp lại giấy phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM
ĐẦU TIÊN KẾ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP**

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN

I. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.
2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.
3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).
2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

Tên tổ chức/ cá nhân	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của

				doanh nghiep)

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mướn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do ... cấp ngày ... tháng ...
năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.
2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp
 - a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
 - b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
 - c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
 - d) Các vấn đề khác (nếu có).
3. Kết nối viễn thông
 - a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thoả thuận kết nối;
 - b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
 - a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

...., ngày....tháng....năm ...

GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG
(Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của....;

Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ...giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm....., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất sau:...

b) Phạm vi liên lạc: Trong nước/quốc tế.

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố/khu vực gồm ... tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/toàn quốc (Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông quy định tại Phụ lục của Giấy phép này).

2. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

3. Đường truyền dẫn và kết nối viễn thông: Doanh nghiệp được quyền xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, điểm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác; được thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông mà mình đã thuê nếu được doanh nghiệp viễn thông cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông đồng ý. Doanh nghiệp viễn thông có quyền kết nối mạng viễn thông của mình với mạng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác; có nghĩa vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông được cung cấp theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.

4. Kho số viễn thông: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

5. Tài nguyên Internet: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép: Đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung của giấy phép này phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng dịch vụ viễn thông: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

23. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông công cộng cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy phép khi có thay đổi phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, bổ sung loại hình dịch vụ viễn thông được cấp phép. 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi, bổ sung bản sao giấy phép để phối hợp quản lý.
Cách thức thực	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:

hiện	- <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo <i>Mẫu số 12 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP;</i> - <i>Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính</i> - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo <i>Mẫu số 15 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP;</i> - Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo <i>Mẫu số 14 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.</i> 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	<i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng theo <i>theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Mẫu số 12 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i> <i>Mẫu số 15 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i> <i>Mẫu số 14- Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của <i>cơ quan cấp giấy phép</i> , thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh

	vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i> - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

3.
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký
số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

Mẫu số 14

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ KỸ THUẬT TRONG 05 NĂM

ĐẦU TIÊN KỂ TỪ NGÀY ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP

Từ tháng... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị... số ... ngày ... tháng... năm...)

PHẦN 1. KẾ HOẠCH KINH DOANH TRONG 05 NĂM ĐẦU TIÊN

I. Dự báo và phân tích thị trường

1. Tóm tắt hoạt động kinh doanh hiện thời của công ty, mục tiêu đặt ra cho 3 năm đầu tiên, 5 năm đầu tiên khi được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông.

2. Phân tích đối thủ cạnh tranh chính.

3. Phân tích năng lực của công ty.
4. Phân tích thách thức khi tham gia thị trường.

II. Thông tin về doanh nghiệp

1. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, trụ sở chính, chi nhánh và các công ty con, công ty thành viên (nếu có).

2. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp.

Họ và tên	Giới tính	Vị trí trong doanh nghiệp	số căn cước/số hộ chiếu Nơi cấp, ngày cấp, ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ liên lạc

3. Danh sách các tổ chức, cá nhân sở hữu từ 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp (tại thời điểm nộp hồ sơ, cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp).

Tên tổ chức/ cá nhân	Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/số căn cước/số hộ chiếu	Ngày cấp, nơi cấp và ngày hết hạn (nếu có)	Địa chỉ giao dịch/ địa chỉ liên lạc	Tổng số vốn góp (trị giá bằng tiền và trị giá bằng % vốn điều lệ của doanh nghiệp)

Doanh nghiệp bổ sung tài liệu có liên quan trong trường hợp cần làm rõ các thông tin về cơ cấu tổ chức, sở hữu của tổ chức, cá nhân trong doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật, thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát của doanh nghiệp.

4. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự, năng lực của nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật, kinh nghiệm kinh doanh của nhân sự trong lĩnh vực đề nghị cấp phép hoặc khả năng tuyển dụng/thuê mượn nguồn nhân lực có kinh nghiệm/kỹ năng cần thiết.

III. Kế hoạch kinh doanh trong 5 năm đầu tiên

1. Dịch vụ viễn thông dự kiến cung cấp. Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông, hình thức cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Kế hoạch cung cấp dịch vụ: Lịch trình dự kiến từng bước thực hiện sau khi nhận được Giấy phép, bao gồm nhưng không hạn chế trong các hoạt động sau:

- a) Thuê, mua thiết bị, nhận thiết bị;
- b) Xác định địa điểm lắp đặt thiết bị và phương án xin phép sử dụng địa điểm;
- c) Kế hoạch phát triển điểm cung cấp dịch vụ;
- d) Giá dịch vụ, hình thức thanh toán giá dịch vụ viễn thông (trả trước/trả sau);
- đ) Thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng.

3. Dự kiến các đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ chính cho doanh nghiệp để triển khai giấy phép được cấp, kèm theo thoả thuận, biên bản, hợp đồng với các đối tác (nếu có).

4. Thị trường dự kiến và kế hoạch phát triển thị trường.

5. Dự báo doanh thu từng năm trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro, bao gồm rủi ro kinh doanh, rủi ro tài chính và rủi ro thay đổi chính sách.

7. Biện pháp bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp ngừng kinh doanh dịch vụ.

PHẦN 2. KẾ HOẠCH KỸ THUẬT TRONG 5 NĂM ĐẦU TIÊN

1. Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập, dự kiến thuê của doanh nghiệp viễn thông

a) Cấu hình hệ thống thiết bị viễn thông dự kiến thiết lập: cấu hình dự kiến theo từng năm trong 05 năm đầu tiên, cả phần chính và phần dự phòng;

b) Dự kiến vị trí lắp đặt thiết bị;

c) Dự kiến thuê mạng viễn thông, thiết bị viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

2. Tài nguyên viễn thông

Dự kiến kho số viễn thông cần sử dụng, dự kiến tài nguyên Internet cần sử dụng.

3. Kết nối viễn thông

Đề xuất kết nối với mạng viễn thông công cộng đã được cấp phép (các thông số báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ), cấu hình kết nối, yêu cầu giao diện điểm kết nối.

4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ

a) Công nghệ và cơ sở lựa chọn công nghệ sử dụng cho hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ viễn thông;

b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Chất lượng dịch vụ viễn thông tối thiểu;

d) Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.

a) Phương án bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

b) Phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Phương án bảo đảm an ninh thông tin theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Luật Viễn thông.

6. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Dự kiến kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ: biện pháp, phương án dự kiến áp dụng.

Mẫu số 15

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
 GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
 kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.
2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp
 - a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
 - b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
 - c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
 - d) Các vấn đề khác (nếu có).
3. Kết nối viễn thông
 - a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thỏa thuận kết nối;
 - b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
 - a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 16

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày....tháng....năm ...

GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG
 (Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
 Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
 Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của....;

Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ...giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm....., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất sau:...

b) Phạm vi liên lạc: Trong nước/quốc tế.

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố/khu vực gồm ... tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/toàn quốc (Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông quy định tại Phụ lục của Giấy phép này).

2. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

3. Đường truyền dẫn và kết nối viễn thông: Doanh nghiệp được quyền xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, điểm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác; được thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông mà mình đã thuê nếu được doanh nghiệp viễn thông cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông đồng ý. Doanh nghiệp viễn thông có quyền kết nối mạng viễn thông của mình với mạng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác; có nghĩa vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông được cung cấp theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.

4. Kho số viễn thông: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

5. Tài nguyên Internet: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép: Đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung của giấy phép này phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng dịch vụ viễn thông: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể

24. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất), doanh nghiệp đã được cấp phép phải làm thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc cấp lại giấy phép <i>khi có ít nhất một trong các thay đổi theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.</i> 2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung giấy phép, trong thời hạn <i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi,

	bổ sung bản sao giấy phép để phối hợp quản lý.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo <i>Mẫu số 12 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i>; - <i>Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính</i> - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo <i>Mẫu số 15 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i>; 3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	<i>10 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp viễn thông có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng theo <i>theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	<i>Mẫu số 12 - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i> <i>Mẫu số 15 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của <i>cơ quan cấp giấy phép</i> , thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh

	vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i> - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

Mẫu số 12

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư):

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép (tên giấy phép) số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.
3.
4.
5.
6.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký
số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

Mẫu số 15

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
 kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp
 dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do ... cấp ngày ... tháng ...
 năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.
2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp
 - a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
 - b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
 - c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
 - d) Các vấn đề khác (nếu có).
3. Kết nối viễn thông
 - a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thỏa thuận kết nối;
 - b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
 - a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 16

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày....tháng....năm ...

GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG
 (Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
 Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
 Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của....;

Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ...giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm....., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất sau:...

b) Phạm vi liên lạc: Trong nước/quốc tế.

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố/khu vực gồm ... tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/toàn quốc (Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông quy định tại Phụ lục của Giấy phép này).

2. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

3. Đường truyền dẫn và kết nối viễn thông: Doanh nghiệp được quyền xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, điểm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác; được thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông mà mình đã thuê nếu được doanh nghiệp viễn thông cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông đồng ý. Doanh nghiệp viễn thông có quyền kết nối mạng viễn thông của mình với mạng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác; có nghĩa vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông được cung cấp theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.

4. Kho số viễn thông: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

5. Tài nguyên Internet: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép: Đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung của giấy phép này phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng dịch vụ viễn thông: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể

25. Thủ tục Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Trình tự thực hiện	1. Khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) còn thời hạn tối đa 90 ngày và ít nhất 30 ngày trước ngày giấy phép hết hạn, doanh nghiệp muốn gia hạn giấy phép đã được cấp phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. 3. Trường hợp doanh nghiệp được cấp gia hạn giấy phép, cơ quan cấp phép có trách nhiệm gửi Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy phép được sửa đổi, bổ sung bản sao giấy phép để phối hợp quản lý. 4. Trường hợp từ chối gia hạn, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 13 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP; b) Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn theo Mẫu số

	15 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng theo theo Mẫu số 16 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Mẫu số 13 - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP Mẫu số 15 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, Phụ lục I Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông; 2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm. Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa bao gồm: a) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông; b) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.</i> - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

Mẫu số 13

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

2. Địa chỉ trụ sở chính: (Địa chỉ ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do cấp ngày ... tháng ... năm ... đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:

Giấy phép (tên giấy phép) số.... cấp ngày tháng năm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

□ Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành.

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng.. .năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Cam kết đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành (nếu đề nghị gia hạn giấy phép thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP).

3. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin theo quy định tại Điều 5 Luật Viễn thông và Điều 15, Điều 79 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

4. Nếu được gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về kinh doanh dịch vụ viễn thông và các quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký
số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

Mẫu số 15

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm...

(Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại giấy phép
kinh doanh dịch vụ viễn thông số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố

I. THÔNG TIN VỀ GIẤY PHÉP

Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng/Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

1. Loại dịch vụ cung cấp, phạm vi đã cung cấp dịch vụ.
2. Đối với từng dịch vụ đã cung cấp
 - a) Thống kê số người sử dụng dịch vụ, số thuê bao, thị phần, doanh thu;
 - b) Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông theo mẫu, điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đang áp dụng;
 - c) Giá dịch vụ, chất lượng dịch vụ;
 - d) Các vấn đề khác (nếu có).
3. Kết nối viễn thông
 - a) Các doanh nghiệp viễn thông mà doanh nghiệp đã ký thỏa thuận kết nối;
 - b) Chi tiết kết nối viễn thông: báo hiệu, truyền dẫn, đồng bộ, cấu hình kết nối, dung lượng phục vụ kết nối, giao diện điểm kết nối.
4. Công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng dịch vụ
 - a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn viễn thông áp dụng;
 - b) Hiệu suất mạng viễn thông và các chỉ số chất lượng mạng viễn thông, dịch vụ viễn thông tối thiểu.
5. Phương án bảo đảm chất lượng dịch vụ viễn thông đang áp dụng.
6. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin.
7. Bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ

Kế hoạch bảo đảm bí mật thông tin của người sử dụng dịch vụ đang triển khai.

8. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại năm gần thời điểm thực hiện Báo cáo này nhất.

9. Nhân lực

Tình trạng nhân lực, năng lực, kinh nghiệm kỹ thuật của nhân sự trong doanh nghiệp.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 16

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày....tháng....năm ...

GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG KHÔNG CÓ HẠ TẦNG MẠNG
 (Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
 Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
 Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn/cấp lại ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của....;

Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị ...giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm....., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... (sau đây gọi là doanh nghiệp) được cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo các quy định sau:

1. Loại dịch vụ viễn thông và phạm vi cung cấp dịch vụ:

a) Loại dịch vụ viễn thông: Doanh nghiệp được phép cung cấp các dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất sau:...

b) Phạm vi liên lạc: Trong nước/quốc tế.

c) Phạm vi cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông trong phạm vi một tỉnh, thành phố/khu vực gồm ... tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/toàn quốc (Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà doanh nghiệp được phép cung cấp dịch vụ viễn thông quy định tại Phụ lục của Giấy phép này).

2. Phương thức cung cấp dịch vụ: Trực tiếp/bán lại.

3. Đường truyền dẫn và kết nối viễn thông: Doanh nghiệp được quyền xây dựng, lắp đặt, sở hữu hệ thống thiết bị viễn thông và đường truyền dẫn trong phạm vi cơ sở và điểm phục vụ công cộng của mình để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; thuê đường truyền dẫn để kết nối hệ thống thiết bị viễn thông, các cơ sở, điểm phục vụ công cộng của mình với nhau và với mạng viễn thông công cộng của doanh nghiệp viễn thông khác; được thuê đường truyền dẫn hoặc mua lưu lượng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác để bán lại cho người sử dụng dịch vụ viễn thông; cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại cơ sở hạ tầng viễn thông mà mình đã thuê nếu được doanh nghiệp viễn thông cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông đồng ý. Doanh nghiệp viễn thông có quyền kết nối mạng viễn thông của mình với mạng, dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông khác; có nghĩa vụ cho doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào hệ thống thiết bị và dịch vụ viễn thông được cung cấp theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối viễn thông.

4. Kho số viễn thông: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng mã, số, điểm báo hiệu theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

5. Tài nguyên Internet: Doanh nghiệp được/không được cấp và sử dụng tài nguyên Internet theo quy hoạch và quy định về quản lý tài nguyên Internet.

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Triển khai giấy phép: Đầu tư, triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông theo các nội dung của giấy phép này phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam.

2. Giá dịch vụ viễn thông và khuyến mại: Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ và khuyến mại trong viễn thông và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng dịch vụ viễn thông: Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp phép theo quy định của pháp luật và thực hiện các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông.

4. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động viễn thông của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Có phương án sẵn sàng kết nối kỹ thuật phục vụ việc báo cáo số liệu bằng phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Công bố nội dung giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí và đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể

26. Thủ tục Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông quy định tại điểm d khoản 3 Điều 33 Luật Viễn thông (Giấy phép thiết lập mạng viễn thông có thời hạn không quá 10 năm được cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia để thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, hoạt động không nhằm mục đích sinh lợi) gửi 01 bộ hồ sơ tới <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính</i> và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. 2. <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i> xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i> thông báo bằng văn bản cho tổ chức. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn <i>19 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i> xét cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cho tổ chức theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn <i>19 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i> thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp phép biết. 4. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thời gian xét cấp giấy phép có thể kéo dài nhưng không vượt quá <i>45 ngày</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>

Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo <i>Mẫu số 25 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i>; b) Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động của tổ chức đề nghị cấp phép bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. c) Đề án thiết lập mạng viễn thông bao gồm nội dung chính như sau: Mục đích thiết lập mạng; cấu hình mạng; chủng loại thiết bị; dịch vụ sử dụng; đối tượng phục vụ của mạng; phạm vi hoạt động, công nghệ sử dụng; tần số, mã, số viễn thông đề nghị sử dụng; trang thiết bị và biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	<i>Tổ chức, doanh nghiệp</i>
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	<i>Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo Mẫu số 30 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP. Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi một bản sao cho Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) để thực hiện công tác quản lý nhà nước và phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	Lệ Phí: 1.000.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo <i>Mẫu số 25 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i> .
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Cam kết thiết lập mạng viễn thông chỉ để cung cấp dịch vụ không vì mục đích sinh lợi; 2. Có phương án kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

Mẫu số 25

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG
CẤP CHO ĐÀI PHÁT THANH QUỐC GIA, ĐÀI TRUYỀN HÌNH QUỐC GIA**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

*Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của....;*

(Tên tổ chức) đề nghị được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Giấy phép hoạt động số: ...do ... cấp ngày ... tháng... năm ...
tại.....
4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1. Mục đích thiết lập mạng viễn thông.
2. Loại mạng viễn thông.
3. Đối tượng phục vụ của mạng.
4. Phạm vi hoạt động.
5. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.

2.

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia và các tài liệu kèm theo.

2. Thiết lập mạng viễn thông chỉ để cung cấp dịch vụ không vì mục đích sinh lợi.

3. Nếu được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia, (tên tổ chức) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh, đài truyền hình quốc gia.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

Mẫu số 30

CƠ QUAN CẤP GIẤY
PHÉPCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG CẤP CHO ĐÀI PHÁT THANH QUỐC
GIA, ĐÀI TRUYỀN HÌNH QUỐC GIA
 (Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
 Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
 Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của....;

Xét Đơn kèm hồ sơ đề nghị ... giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia số ... ngày ... tháng ... năm ... và hồ sơ bổ sung số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tên tổ chức (viết bằng chữ in hoa):

Tên tiếng Việt:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy phép hoạt động số do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại
 (sau đây gọi là tổ chức) được thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo các quy định sau:

1. Mục đích thiết lập mạng: Giấy phép này cho phép (tên tổ chức) thiết lập mạng viễn thông để thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường

lời của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, hoạt động không nhằm mục đích sinh lợi.

2. Loại mạng và cấu hình mạng:

Loại mạng viễn thông:

Cấu hình mạng:

3. Phạm vi hoạt động:

4. Kết nối:

5. Tần số vô tuyến điện: *Được/không được cấp và sử dụng kênh/băng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông nêu tại giấy phép này theo quy định về quản lý tần số vô tuyến điện.*

6. Quy chuẩn, tiêu chuẩn, chất lượng viễn thông: *Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc thiết lập mạng viễn thông và thực hiện các quy định về quản lý quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng viễn thông theo quy định của pháp luật.*

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, (tên tổ chức) có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định của giấy phép, các nội dung cam kết trong Hồ sơ để thiết lập hạ tầng mạng viễn thông như quy định tại giấy phép này.

2. Bảo vệ an toàn và bảo đảm an ninh thông tin cho mạng viễn thông do mình thiết lập, thực hiện các quy định và chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn mạng viễn thông và an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động của mạng viễn thông theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

5. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí theo quy định.

6. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. *Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ...*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

27. Thủ tục Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia muốn gia hạn giấy phép gửi 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính ít nhất 90 ngày trước ngày giấy phép hết hạn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia cho tổ chức theo thẩm quyền. 4. Trường hợp từ chối gia hạn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị gia hạn biết. 5. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thời gian xét gia hạn giấy phép có thể kéo dài nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo Mẫu số 27 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP; b) Báo cáo việc thực hiện giấy phép thiết lập mạng viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.
Thời hạn giải quyết	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

	- 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.
Đối tượng giải quyết thủ tục hành chính	<i>Tổ chức, doanh nghiệp</i>
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo <i>Mẫu số 30 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i> . Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi một bản sao cho Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) để thực hiện công tác quản lý nhà nước và phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin
Phí, lệ phí (nếu có)	<i>Lệ Phí: 500.000 đồng/giấy phép.</i>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo <i>Mẫu số 27 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i> .
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy

	phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

Mẫu số 27

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THIẾT LẬP
MẠNG VIỄN THÔNG CẤP CHO ĐÀI PHÁT THANH QUỐC GIA,
ĐÀI TRUYỀN HÌNH QUỐC GIA**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

*Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của....;*

(Tên tổ chức) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Giấy phép hoạt động số: do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại
4. Điện thoại: Fax: Website
5. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia đề nghị được gia hạn:

Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia số... cấp ngày ... tháng ... năm

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn:

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng... năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia và các tài liệu kèm theo.
2. Thiết lập mạng viễn thông chỉ để cung cấp dịch vụ không vì mục đích sinh lợi.
3. Nếu được cấp gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia, (tên tổ chức) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

Mẫu số 30

CƠ QUAN CẤP GIẤY
PHÉPCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG CẤP CHO ĐÀI PHÁT THANH QUỐC
GIA, ĐÀI TRUYỀN HÌNH QUỐC GIA
 (Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
 Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
 Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của....;

Xét Đơn kèm hồ sơ đề nghị ... giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia số ... ngày ... tháng ... năm ... và hồ sơ bổ sung số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tên tổ chức (viết bằng chữ in hoa):

Tên tiếng Việt:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy phép hoạt động số do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại
 (sau đây gọi là tổ chức) được thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo các quy định sau:

1. Mục đích thiết lập mạng: Giấy phép này cho phép (tên tổ chức) thiết lập mạng viễn thông để thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường

lời của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, hoạt động không nhằm mục đích sinh lợi.

2. Loại mạng và cấu hình mạng:

Loại mạng viễn thông:

Cấu hình mạng:

3. Phạm vi hoạt động:

4. Kết nối:

5. Tần số vô tuyến điện: *Được/không được cấp và sử dụng kênh/băng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông nêu tại giấy phép này theo quy định về quản lý tần số vô tuyến điện.*

6. Quy chuẩn, tiêu chuẩn, chất lượng viễn thông: *Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc thiết lập mạng viễn thông và thực hiện các quy định về quản lý quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng viễn thông theo quy định của pháp luật.*

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, (tên tổ chức) có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định của giấy phép, các nội dung cam kết trong Hồ sơ để thiết lập hạ tầng mạng viễn thông như quy định tại giấy phép này.

2. Bảo vệ an toàn và bảo đảm an ninh thông tin cho mạng viễn thông do mình thiết lập, thực hiện các quy định và chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn mạng viễn thông và an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động của mạng viễn thông theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

5. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí theo quy định.

6. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. *Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ...*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

28. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép, khi có thay đổi về tên tổ chức được cấp phép, cấu hình mạng, tổ chức được cấp phép phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ. <i>Đối với trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính, tổ chức được cấp phép không phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép nhưng phải thông báo cho cơ quan cấp phép trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức thay đổi.</i> 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia cho tổ chức theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép biết. 4. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thời gian xét sửa đổi, bổ sung giấy phép có thể kéo dài nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo Mẫu số 26 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP;

	b) Mô tả chi tiết nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung; các tài liệu khác có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (nếu có). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	<i>Tổ chức, doanh nghiệp</i>
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	<i>Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo Mẫu số 30 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP. Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi một bản sao cho Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) để thực hiện công tác quản lý nhà nước và phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm ngay thủ tục)	<i>Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo Mẫu số 26 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.</i>
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Cam kết thiết lập mạng viễn thông chỉ để cung cấp dịch vụ không vì mục đích sinh lợi; 2. Có phương án kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

Mẫu số 26

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP THIẾT LẬP MẠNG
VIỄN THÔNG CẤP CHO ĐÀI PHÁT THANH QUỐC GIA,
ĐÀI TRUYỀN HÌNH QUỐC GIA**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

*Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của;*

(Tên tổ chức) đề nghị được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia sửa đổi, bổ sung như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Giấy phép hoạt động số: do ... cấp ngày ... tháng... năm ... tại
4. Điện thoại: Fax: Website
5. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia đề nghị được sửa đổi, bổ sung:

Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung

Lý do và các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.....

2.....

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia và các tài liệu kèm theo.

2. Thiết lập mạng viễn thông chỉ để cung cấp dịch vụ không vì mục đích sinh lợi.

3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia, (tên tổ chức) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử)

Mẫu số 30

CƠ QUAN CẤP GIẤY
PHÉPCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG CẤP CHO ĐÀI PHÁT THANH QUỐC
GIA, ĐÀI TRUYỀN HÌNH QUỐC GIA
 (Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
 Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
 Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của....;

Xét Đơn kèm hồ sơ đề nghị ... giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia số ... ngày ... tháng ... năm ... và hồ sơ bổ sung số ... ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của...

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tên tổ chức (viết bằng chữ in hoa):

Tên tiếng Việt:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy phép hoạt động số do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại
 (sau đây gọi là tổ chức) được thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia theo các quy định sau:

1. Mục đích thiết lập mạng: Giấy phép này cho phép (tên tổ chức) thiết lập mạng viễn thông để thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường

lời của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, hoạt động không nhằm mục đích sinh lợi.

2. Loại mạng và cấu hình mạng:

Loại mạng viễn thông:

Cấu hình mạng:

3. Phạm vi hoạt động:

4. Kết nối:

5. Tần số vô tuyến điện: *Được/không được cấp và sử dụng kênh/băng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông nêu tại giấy phép này theo quy định về quản lý tần số vô tuyến điện.*

6. Quy chuẩn, tiêu chuẩn, chất lượng viễn thông: *Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong việc thiết lập mạng viễn thông và thực hiện các quy định về quản lý quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng viễn thông theo quy định của pháp luật.*

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, (tên tổ chức) có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định của giấy phép, các nội dung cam kết trong Hồ sơ để thiết lập hạ tầng mạng viễn thông như quy định tại giấy phép này.

2. Bảo vệ an toàn và bảo đảm an ninh thông tin cho mạng viễn thông do mình thiết lập, thực hiện các quy định và chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn mạng viễn thông và an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động của mạng viễn thông theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

5. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí theo quy định.

6. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. *Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ...*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

29. Thủ tục Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng gửi 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng cho tổ chức theo thẩm quyền. 4. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp phép biết. 5. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thời gian xét cấp giấy phép có thể kéo dài nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. 6. Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng của tổ chức được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, việc xét cấp phép được thực hiện căn cứ ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao và Bộ Công an.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng theo Mẫu số 22 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP; b) Bản sao hợp lệ quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng

	ký đầu tư (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về đầu tư) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. <i>Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản để yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính</i> c) Bản sao điều lệ, văn bản quy định cơ cấu tổ chức chung hoặc hình thức liên kết, hoạt động chung giữa các thành viên của mạng đang có hiệu lực và có đóng dấu xác nhận của tổ chức; d) Đề án thiết lập mạng viễn thông dùng riêng, trong đó nêu rõ: Mục đích thiết lập mạng; cấu hình mạng; chủng loại thiết bị; dịch vụ sử dụng; thành viên của mạng; phạm vi hoạt động, công nghệ sử dụng; tần số, mã, số viễn thông đề nghị sử dụng; trang thiết bị và biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</i>

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng theo <i>Mẫu số 29 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP. Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi một bản sao cho Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) để thực hiện công tác quản lý nhà nước và phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí thiết lập mạng viễn thông dùng riêng: 100.000.000 đồng/giấy phép (nộp một lần cho toàn bộ thời hạn giấy phép, bao gồm cả thời gian gia hạn) - Lệ Phí: 1.000.000/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm ngay sau thủ tục)	Đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng theo <i>Mẫu số 22 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.</i>
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	a) Cam kết thiết lập mạng viễn thông dùng riêng chỉ để cung cấp dịch vụ cho các thành viên của mạng, không vì mục đích sinh lợi; b) Có phương án kỹ thuật, nghiệp vụ phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông; c) Có biện pháp bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy

	phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

Mẫu số 22

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG DÙNG RIÊNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

*Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của....;*

(Tên tổ chức) đề nghị được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Quyết định thành lập/giấy phép hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp ngày ... tháng...năm...tại
5. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1. Chủ mạng và các thành viên của mạng.
2. Mục đích thiết lập mạng.

3. Loại mạng.
4. Phạm vi hoạt động.
5. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng.

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng và các tài liệu kèm theo.

2. Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng chỉ để cung cấp dịch vụ cho các thành viên của mạng, không vì mục đích sinh lợi.

3. Nếu được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng, (tên tổ chức) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

Mẫu số 28

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
THỬ NGHIỆM MẠNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG
 (Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
 Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
 Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của;

Xét Đơn kèm hồ sơ đề nghị ...giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông số ... ngày ...tháng ... năm và hồ sơ bổ sung số ... ngày ... tháng ... năm ...của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tên doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên tiếng Việt:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ...do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại (sau đây gọi là doanh nghiệp) được thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo các quy định sau:

1. **Mục đích:**
2. **Loại mạng:**.....
3. **Phạm vi:**.....
4. **Quy mô:**
5. **Loại dịch vụ:**
6. **Đối tượng:**
7. **Kết nối:**
8. **Kho số viễn thông:**
9. **Tần số:** Được sử dụng băng tần ... để triển khai thử nghiệm theo quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy định về quản lý tần số vô tuyến điện. Trong thời hạn của Giấy phép này, doanh nghiệp phải chấm dứt sử dụng tần số khi có yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ.
10. **Tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng:** Thực hiện các quy định về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng viễn thông.
11. **Giá dịch vụ:** Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ viễn thông có liên quan.
12. **An toàn và an ninh thông tin:** Thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn mạng và an ninh thông tin.

Điều 2. Doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Thực hiện thử nghiệm theo đúng các quy định tại giấy phép này, nội dung trong Hồ sơ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.
2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng tham gia thử nghiệm.
3. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp.
4. Bảo vệ an toàn mạng viễn thông của mình và bảo đảm an ninh thông tin, thực hiện các quy định và chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn mạng viễn thông và an ninh thông tin.
5. Hoàn trả tài nguyên viễn thông được cấp để thử nghiệm ngay sau khi giấy phép thử nghiệm hết hiệu lực hoặc chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản yêu cầu doanh nghiệp hoàn trả tài nguyên viễn thông.
6. Tự chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư cho việc thử nghiệm.
7. Thông báo đến thuê bao thử nghiệm các khuyến nghị và điều kiện cần thiết để đăng ký sử dụng dịch vụ thử nghiệm; cung cấp công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp các thông tin chi tiết về việc thử nghiệm đánh giá công nghệ, thị trường.
8. Báo cáo định kỳ và theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ các kết quả thử nghiệm theo quy định.

9. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí cấp phép theo quy định của pháp luật.
10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. *Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể

30. Thủ tục Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng muốn gia hạn giấy phép gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính ít nhất 90 ngày trước ngày giấy phép hết hạn và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng cho tổ chức theo thẩm quyền. 4. Trường hợp từ chối cấp gia hạn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp gia hạn biết. 5. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thời gian xét gia hạn giấy phép có thể kéo dài nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng theo Mẫu số 24 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP; b) Báo cáo việc thực hiện giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng đã được cấp. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

	- 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</i>
Kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng được gia hạn theo <i>Mẫu số 29 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i> . Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi một bản sao cho Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) để thực hiện công tác quản lý nhà nước và phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Lệ phí: 500.000/giấy phép. - Phí: không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng theo <i>Mẫu số 24 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i> .
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy

	phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

Mẫu số 24

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG DÙNG RIÊNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

*Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của;*

(Tên tổ chức) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Quyết định thành lập/giấy phép hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp ngày ... tháng...năm...tại
5. Điện thoại: Fax: Website
6. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng đề nghị được gia hạn:
Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng số...cấp ngày ... tháng ... năm ...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn:

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng... năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng và các tài liệu kèm theo.
2. Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng chỉ để cung cấp dịch vụ cho các thành viên của mạng, không vì mục đích sinh lợi.
3. Nếu được cấp gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng, (tên tổ chức) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

Mẫu số 28

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
THỬ NGHIỆM MẠNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG
 (Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
 Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
 Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của;

Xét Đơn kèm hồ sơ đề nghị ...giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông số ... ngày ...tháng ... năm và hồ sơ bổ sung số ... ngày ... tháng ... năm ...của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tên doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên tiếng Việt:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ...do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại (sau đây gọi là doanh nghiệp) được thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo các quy định sau:

13. **Mục đích:**

14. **Loại mạng:**.....

15. **Phạm vi:**.....

16. **Quy mô:**

17. **Loại dịch vụ:**

18. **Đối tượng:**

19. **Kết nối:**

20. **Kho số viễn thông:**

21. **Tần số:** Được sử dụng băng tần ... để triển khai thử nghiệm theo quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy định về quản lý tần số vô tuyến điện. Trong thời hạn của Giấy phép này, doanh nghiệp phải chấm dứt sử dụng tần số khi có yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ.

22. **Tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng:** Thực hiện các quy định về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng viễn thông.

23. **Giá dịch vụ:** Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ viễn thông có liên quan.

24. **An toàn và an ninh thông tin:** Thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn mạng và an ninh thông tin.

Điều 2. Doanh nghiệp có trách nhiệm:

11. Thực hiện thử nghiệm theo đúng các quy định tại giấy phép này, nội dung trong Hồ sơ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

12. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng tham gia thử nghiệm.

13. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp.

14. Bảo vệ an toàn mạng viễn thông của mình và bảo đảm an ninh thông tin, thực hiện các quy định và chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn mạng viễn thông và an ninh thông tin.

15. Hoàn trả tài nguyên viễn thông được cấp để thử nghiệm ngay sau khi giấy phép thử nghiệm hết hiệu lực hoặc chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản yêu cầu doanh nghiệp hoàn trả tài nguyên viễn thông.

16. Tự chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư cho việc thử nghiệm.

17. Thông báo đến thuê bao thử nghiệm các khuyến nghị và điều kiện cần thiết để đăng ký sử dụng dịch vụ thử nghiệm; cung cấp công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp các thông tin chi tiết về việc thử nghiệm đánh giá công nghệ, thị trường.

18. Báo cáo định kỳ và theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ các kết quả thử nghiệm theo quy định.

19. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí cấp phép theo quy định của pháp luật.

20. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. *Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể

31. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép, tổ chức được cấp phép gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép tới <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</i> khi có thay đổi về tên tổ chức được cấp phép, danh sách thành viên của mạng, cấu hình mạng, phạm vi hoạt động của mạng, loại hình dịch vụ cung cấp. <i>Đối với trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính, tổ chức được cấp phép không phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép nhưng phải thông báo cho cơ quan cấp phép trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức thay đổi</i> 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng cho tổ chức theo thẩm quyền. 4. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung, trong thời hạn 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung biết. 5. Trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thời gian xét sửa đổi, bổ sung giấy phép có thể kéo dài nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - <i>Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.</i> - <i>Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh</i>
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng theo <i>Mẫu số 23 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i>; mô tả chi tiết nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung;

	b) Các tài liệu khác có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (nếu có); 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời hạn giải quyết	- 19 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. - 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp cần lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng được sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 29 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP. Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi một bản sao cho Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) để thực hiện công tác quản lý nhà nước và phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Lệ phí: 500.000/giấy phép. - Phí: không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm ngay sau thủ tục)	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng theo Mẫu số 23 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	a) Cam kết thiết lập mạng viễn thông dùng riêng chỉ để cung cấp dịch vụ cho các thành viên của mạng, không vì mục đích sinh lợi; b) Có phương án kỹ thuật, nghiệp vụ phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông;

	c) Có biện pháp bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

Mẫu số 23

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG DÙNG RIÊNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

*Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của;*

(Tên tổ chức) đề nghị được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng sửa đổi, bổ sung như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên tổ chức viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Quyết định thành lập/giấy phép hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp ngày ... tháng...năm...tại
5. Điện thoại: Fax: Website
6. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng đề nghị được sửa đổi bổ sung:

Giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung

Lý do và các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.....

2.....

Phần 4. Cam kết

(Tên tổ chức) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng và các tài liệu kèm theo.

2. Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng chỉ để cung cấp dịch vụ cho các thành viên của mạng, không vì mục đích sinh lợi.

3. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng, (tên tổ chức) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

Mẫu số 28

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
THỬ NGHIỆM MẠNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG
 (Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
 Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
 Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của;

Xét Đơn kèm hồ sơ đề nghị ...giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông số ... ngày ...tháng ... năm và hồ sơ bổ sung số ... ngày ... tháng ... năm ...của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tên doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên tiếng Việt:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ...do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại (sau đây gọi là doanh nghiệp) được thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo các quy định sau:

- 25. **Mục đích:**
- 26. **Loại mạng:**.....
- 27. **Phạm vi:**.....
- 28. **Quy mô:**
- 29. **Loại dịch vụ:**
- 30. **Đối tượng:**
- 31. **Kết nối:**
- 32. **Kho số viễn thông:**

33. **Tần số:** Được sử dụng băng tần ... để triển khai thử nghiệm theo quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy định về quản lý tần số vô tuyến điện. Trong thời hạn của Giấy phép này, doanh nghiệp phải chấm dứt sử dụng tần số khi có yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ.

34. **Tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng:** Thực hiện các quy định về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng viễn thông.

35. **Giá dịch vụ:** Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ viễn thông có liên quan.

36. **An toàn và an ninh thông tin:** Thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn mạng và an ninh thông tin.

Điều 2. Doanh nghiệp có trách nhiệm:

21. Thực hiện thử nghiệm theo đúng các quy định tại giấy phép này, nội dung trong Hồ sơ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

22. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng tham gia thử nghiệm.

23. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp.

24. Bảo vệ an toàn mạng viễn thông của mình và bảo đảm an ninh thông tin, thực hiện các quy định và chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn mạng viễn thông và an ninh thông tin.

25. Hoàn trả tài nguyên viễn thông được cấp để thử nghiệm ngay sau khi giấy phép thử nghiệm hết hiệu lực hoặc chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản yêu cầu doanh nghiệp hoàn trả tài nguyên viễn thông.

26. Tự chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư cho việc thử nghiệm.

27. Thông báo đến thuê bao thử nghiệm các khuyến nghị và điều kiện cần thiết để đăng ký sử dụng dịch vụ thử nghiệm; cung cấp công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp các thông tin chi tiết về việc thử nghiệm đánh giá công nghệ, thị trường.

28. Báo cáo định kỳ và theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ các kết quả thử nghiệm theo quy định.

29. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí cấp phép theo quy định của pháp luật.

30. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. *Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể

32. Thủ tục Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp muốn thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông gửi 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. 4. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 19 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP; b) Đề án thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông, trong đó xác định rõ: Mục đích, phạm vi, quy mô, thời hạn thử nghiệm; cấu hình mạng, loại hình dịch vụ, bên hợp tác cùng thử nghiệm; giá dịch vụ dự kiến; tần số, kho số đề nghị được phép thử nghiệm; các điều khoản, điều kiện để bảo đảm quyền lợi của người sử dụng nếu sau khi kết thúc thời hạn cung cấp thử nghiệm dịch vụ, doanh nghiệp không đưa dịch vụ vào cung cấp chính thức. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	22 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo <i>Mẫu số 28 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP. Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi một bản sao cho Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) để thực hiện công tác quản lý nhà nước và phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin</i>
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông (nộp một lần cho toàn thời hạn giấy phép, bao gồm cả thời gian gia hạn): thu theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Mục I.3 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Lệ phí cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông: 1.000.000 đồng/giấy phép.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm ngay sau thủ tục)	Đơn đề nghị cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo <i>Mẫu số 19 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.</i>
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Dịch vụ được đề nghị thử nghiệm là dịch vụ viễn thông chưa được quy định trong giấy phép viễn thông đã được cấp hoặc dịch vụ viễn thông có sử dụng tài nguyên viễn thông ngoài phạm vi tài nguyên viễn thông đã được phân bổ; 2. Phạm vi và quy mô thử nghiệm được giới hạn để đánh giá công nghệ, thị trường trước khi kinh doanh chính thức; 3. Phương án thử nghiệm phù hợp với quy định của pháp luật về kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023.

	- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

Mẫu số 19

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THỬ NGHIỆM
MẠNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;**Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;**Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của....;*

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)
.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp ngày ... tháng... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép

1. Mục đích thử nghiệm.
2. Loại mạng.
3. Loại dịch vụ.
4. Phạm vi.
5. Quy mô.

6. Đối tượng được cung cấp dịch vụ.
7. Thời hạn đề nghị cấp phép: ... năm ... tháng

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

Mẫu số 28

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
THỬ NGHIỆM MẠNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG
 (Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
 Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
 Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của;

Xét Đơn kèm hồ sơ đề nghị ...giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông số ... ngày ...tháng ... năm và hồ sơ bổ sung số ... ngày ... tháng ... năm ...của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tên doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên tiếng Việt:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ...do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại (sau đây gọi là doanh nghiệp) được thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo các quy định sau:

37. **Mục đích:**

38. **Loại mạng:**.....

39. **Phạm vi:**.....

40. **Quy mô:**

41. **Loại dịch vụ:**

42. **Đối tượng:**

43. **Kết nối:**

44. **Kho số viễn thông:**

45. **Tần số:** Được sử dụng băng tần ... để triển khai thử nghiệm theo quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy định về quản lý tần số vô tuyến điện. Trong thời hạn của Giấy phép này, doanh nghiệp phải chấm dứt sử dụng tần số khi có yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ.

46. **Tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng:** Thực hiện các quy định về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng viễn thông.

47. **Giá dịch vụ:** Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ viễn thông có liên quan.

48. **An toàn và an ninh thông tin:** Thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn mạng và an ninh thông tin.

Điều 2. Doanh nghiệp có trách nhiệm:

31. Thực hiện thử nghiệm theo đúng các quy định tại giấy phép này, nội dung trong Hồ sơ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

32. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng tham gia thử nghiệm.

33. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp.

34. Bảo vệ an toàn mạng viễn thông của mình và bảo đảm an ninh thông tin, thực hiện các quy định và chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn mạng viễn thông và an ninh thông tin.

35. Hoàn trả tài nguyên viễn thông được cấp để thử nghiệm ngay sau khi giấy phép thử nghiệm hết hiệu lực hoặc chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản yêu cầu doanh nghiệp hoàn trả tài nguyên viễn thông.

36. Tự chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư cho việc thử nghiệm.

37. Thông báo đến thuê bao thử nghiệm các khuyến nghị và điều kiện cần thiết để đăng ký sử dụng dịch vụ thử nghiệm; cung cấp công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp các thông tin chi tiết về việc thử nghiệm đánh giá công nghệ, thị trường.

38. Báo cáo định kỳ và theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ các kết quả thử nghiệm theo quy định.

39. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí cấp phép theo quy định của pháp luật.

40. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. *Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

33. Thủ tục Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông

Trình tự thực hiện	1. Doanh nghiệp được cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông muốn gia hạn giấy phép gửi 01 bộ hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính ít nhất 90 ngày trước ngày giấy phép hết hạn và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. 4. Trường hợp từ chối cấp gia hạn, trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị gia hạn biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 21 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP; b) Báo cáo việc thực hiện giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	22 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông được gia hạn theo <i>Mẫu số 28 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i> . Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi một bản sao cho Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) để thực hiện công tác quản lý nhà nước và phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Lệ Phí: 500.000/giấy phép. - Phí: không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm ngay sau thủ tục)	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo <i>Mẫu số 21 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i> .
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

Mẫu số 21

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP THỬ NGHIỆM MẠNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của....;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (Tên ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ghi bằng chữ in hoa)

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do cấp ngày ... tháng ... năm ... tại

4. Điện thoại: Fax: Website

5. Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông đề nghị được gia hạn:
 Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông số ... cấp ngày ...tháng năm ...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị gia hạn

Lý do đề nghị gia hạn

Thời hạn đề nghị được gia hạn: ngày tháng ... năm...

Phần 3. Tài liệu kèm theo

1.
2.

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được cấp gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật của Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông được gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mỗi liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

Mẫu số 28

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
THỬ NGHIỆM MẠNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG
 (Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
 Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
 Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số .../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ ;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của;

Xét Đơn kèm hồ sơ đề nghị ...giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông số ... ngày ...tháng ... năm và hồ sơ bổ sung số ... ngày ... tháng ... năm ...của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tên doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên tiếng Việt:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ...do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại (sau đây gọi là doanh nghiệp) được thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo các quy định sau:

49. **Mục đích:**

50. **Loại mạng:**.....

51. **Phạm vi:**.....

52. **Quy mô:**

53. **Loại dịch vụ:**

54. **Đối tượng:**

55. **Kết nối:**

56. **Kho số viễn thông:**

57. **Tần số:** Được sử dụng băng tần ... để triển khai thử nghiệm theo quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy định về quản lý tần số vô tuyến điện. Trong thời hạn của Giấy phép này, doanh nghiệp phải chấm dứt sử dụng tần số khi có yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ.

58. **Tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng:** Thực hiện các quy định về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng viễn thông.

59. **Giá dịch vụ:** Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ viễn thông có liên quan.

60. **An toàn và an ninh thông tin:** Thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn mạng và an ninh thông tin.

Điều 2. Doanh nghiệp có trách nhiệm:

41. Thực hiện thử nghiệm theo đúng các quy định tại giấy phép này, nội dung trong Hồ sơ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

42. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng tham gia thử nghiệm.

43. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp.

44. Bảo vệ an toàn mạng viễn thông của mình và bảo đảm an ninh thông tin, thực hiện các quy định và chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn mạng viễn thông và an ninh thông tin.

45. Hoàn trả tài nguyên viễn thông được cấp để thử nghiệm ngay sau khi giấy phép thử nghiệm hết hiệu lực hoặc chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản yêu cầu doanh nghiệp hoàn trả tài nguyên viễn thông.

46. Tự chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư cho việc thử nghiệm.

47. Thông báo đến thuê bao thử nghiệm các khuyến nghị và điều kiện cần thiết để đăng ký sử dụng dịch vụ thử nghiệm; cung cấp công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp các thông tin chi tiết về việc thử nghiệm đánh giá công nghệ, thị trường.

48. Báo cáo định kỳ và theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ các kết quả thử nghiệm theo quy định.

49. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí cấp phép theo quy định của pháp luật.

50. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. *Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

34. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông

Trình tự thực hiện	1. Trong thời hạn hiệu lực của giấy phép, doanh nghiệp được cấp phép gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính khi có thay đổi về tên tổ chức được cấp phép, cấu hình mạng, quy mô thử nghiệm, phạm vi hoạt động của mạng, loại hình dịch vụ cung cấp, đối tượng được cung cấp dịch vụ thử nghiệm. <i>Đối với trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính, doanh nghiệp được cấp phép không phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép nhưng phải thông báo cho cơ quan cấp phép trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức thay đổi.</i> 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét tính hợp lệ của hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. 3. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. 4. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung, trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung biết.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép thử nghiệm mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 20 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP; mô tả chi tiết nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung;

	b) Các tài liệu khác có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (nếu có). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>22 ngày làm việc</i> kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông được sửa đổi, bổ sung theo <i>Mẫu số 28 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i> . Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm gửi một bản sao cho Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) để thực hiện công tác quản lý nhà nước và phối hợp kiểm soát, bảo đảm an ninh thông tin.
Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Lệ Phí: 500.000/giấy phép. - Phí: không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm ngay sau thủ tục)	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo <i>Mẫu số 20 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i> .
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Dịch vụ được đề nghị thử nghiệm là dịch vụ viễn thông chưa được quy định trong giấy phép viễn thông đã được cấp hoặc dịch vụ viễn thông có sử dụng tài nguyên viễn thông ngoài phạm vi tài nguyên viễn thông đã được phân bổ; 2. Phạm vi và quy mô thử nghiệm được giới hạn để đánh giá công nghệ, thị trường trước khi kinh doanh chính thức; 3. Phương án thử nghiệm phù hợp với quy định của pháp luật về kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023. - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông. - <i>Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.

Mẫu số 20

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
THỬ NGHIỆM MẠNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của....;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị được cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung như sau:

Phần 1. Thông tin chung

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: (ghi bằng chữ in hoa)
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: ... do ... cấp ngày ... tháng... năm ... tại
4. Điện thoại: Fax: Website
5. Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông đề nghị được sửa đổi, bổ sung: Giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông số ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

...

Phần 2. Mô tả tóm tắt về đề nghị cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung

Lý do và các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Phần 3. Tài liệu kèm theo

- 1.....
- 2.....

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông và các tài liệu kèm theo.

2. Nếu được sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về viễn thông và các quy định trong giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Đầu mối liên hệ về hồ sơ cấp phép (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).

Mẫu số 28

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP
THỬ NGHIỆM MẠNG VÀ DỊCH VỤ VIỄN THÔNG
 (Có giá trị đến hết ngày ... tháng ... năm ...)
 Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...
 Cấp sửa đổi, bổ sung/gia hạn ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của;

Xét Đơn kèm hồ sơ đề nghị ...giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông số ... ngày ...tháng ... năm và hồ sơ bổ sung số ... ngày ... tháng ... năm ...của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);

Theo đề nghị của

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tên doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên tiếng Việt:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ...do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại (sau đây gọi là doanh nghiệp) được thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông theo các quy định sau:

- 61. **Mục đích:**
- 62. **Loại mạng:**.....
- 63. **Phạm vi:**.....
- 64. **Quy mô:**
- 65. **Loại dịch vụ:**
- 66. **Đối tượng:**
- 67. **Kết nối:**
- 68. **Kho số viễn thông:**

69. **Tần số:** Được sử dụng băng tần ... để triển khai thử nghiệm theo quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy định về quản lý tần số vô tuyến điện. Trong thời hạn của Giấy phép này, doanh nghiệp phải chấm dứt sử dụng tần số khi có yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ.

70. **Tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng:** Thực hiện các quy định về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng viễn thông.

71. **Giá dịch vụ:** Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ viễn thông có liên quan.

72. **An toàn và an ninh thông tin:** Thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn mạng và an ninh thông tin.

Điều 2. Doanh nghiệp có trách nhiệm:

51. Thực hiện thử nghiệm theo đúng các quy định tại giấy phép này, nội dung trong Hồ sơ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

52. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng tham gia thử nghiệm.

53. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp.

54. Bảo vệ an toàn mạng viễn thông của mình và bảo đảm an ninh thông tin, thực hiện các quy định và chịu sự kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn mạng viễn thông và an ninh thông tin.

55. Hoàn trả tài nguyên viễn thông được cấp để thử nghiệm ngay sau khi giấy phép thử nghiệm hết hiệu lực hoặc chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản yêu cầu doanh nghiệp hoàn trả tài nguyên viễn thông.

56. Tự chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư cho việc thử nghiệm.

57. Thông báo đến thuê bao thử nghiệm các khuyến nghị và điều kiện cần thiết để đăng ký sử dụng dịch vụ thử nghiệm; cung cấp công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp các thông tin chi tiết về việc thử nghiệm đánh giá công nghệ, thị trường.

58. Báo cáo định kỳ và theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ các kết quả thử nghiệm theo quy định.

59. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí cấp phép theo quy định của pháp luật.

60. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. *Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu/ký số)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể.

35. Thủ tục Phân bổ mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn theo phương thức đấu giá

Trình tự thực hiện	1. Người trúng đấu giá mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị phân bổ mã, số viễn thông tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính. 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, ban hành quyết định phân bổ mã, số viễn thông trúng đấu giá. 3. Trường hợp từ chối phân bổ mã, số viễn thông, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời, nêu rõ lý do từ chối.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ - Đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông theo Mẫu số 31 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP. - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với tổ chức, doanh nghiệp); bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước (đối với cá nhân) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản được in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Đối với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện việc khai thác các thông tin, giấy tờ này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.

	2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định phân bổ mã, số viễn thông theo Mẫu số 32 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.
Phí, lệ phí (nếu có)	Theo quy định của Bộ Tài chính: 350.000 đồng/lần phân bổ (theo quy định tại Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông theo Mẫu số 31 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông - Nghị định số 115/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03 tháng 6 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn". - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều

	<i>kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i> - Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông.

Mẫu số 31

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....., ngày ... tháng ... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÂN BỐ**Mã mạng di động H2H/số dịch vụ giải đáp thông tin/ số dịch vụ tin nhắn
ngắn theo phương thức đấu giá**

Kính gửi:

2. Thông tin tổ chức/doanh nghiệp:

- Tên tổ chức/doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Giấy đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập:
- Đầu mối liên hệ:
- Họ tên: Chức vụ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....
- Số Giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông:.....ngày cấp:.....
ngày hết hạn:(đối với doanh nghiệp viễn thông).

2. Thông tin về mã, số viễn thông

STT	Mã, số viễn thông	Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá
	(1)	(2)

*Ghi chú:**(1): Ghi rõ mã, số viễn thông trúng đấu giá: ví dụ Số SMS 9029**(2): Ghi rõ Số quyết định phê duyệt kết quả đấu giá của Bộ KHCN, ví dụ: Quyết định số 998/QĐ-BKHCN ngày 01/3/2025***3. Tài liệu kèm theo:**

- Bản sao có chứng thực quyết định thành lập (đối với tổ chức không phải doanh nghiệp);

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư;

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai (Tên tổ chức, doanh nghiệp) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tổ chức/doanh nghiệp

*ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu (đối với tổ chức, doanh nghiệp))*

Mẫu số 32

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ mã mạng di động H2H/ số dịch vụ giải đáp thông tin/số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn theo phương thức đấu giá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày.... tháng ... năm của UBND tỉnh..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Xét đề nghị của Tên tổ chức/doanh nghiệp tại Đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông số ngày

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ mã, số viễn thông trúng đấu giá cho (Tên tổ chức/doanh nghiệp) như sau:

STT	Tên mã, số	Mã, số (khối mã, số)	Độ dài mã, số	Số lượng mã, số	Phạm vi phân bổ	Mục đích sử dụng	Ghi chú

1							
...							

Điều 2. *(Tên tổ chức/doanh nghiệp)* có trách nhiệm trong việc khai thác và sử dụng mã, số viễn thông được phân bổ như sau:

1. Sử dụng mã, số viễn thông đúng giá theo đúng Quy hoạch kho số viễn thông và Quy định về quản lý kho số viễn thông;

2. Nộp lệ phí phân bổ mã, số viễn thông, phí sử dụng mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật;

3. Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông có liên quan đưa mã, số viễn thông được phân bổ vào khai thác, đồng thời thông báo và hướng dẫn cho người sử dụng dịch vụ viễn thông việc sử dụng mã, số viễn thông này;

4. Hoàn trả mã, số viễn thông được phân bổ khi không còn nhu cầu sử dụng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng, và *Chức vụ người đại diện theo pháp luật của (Tên Tổ chức/doanh nghiệp)* và Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;

-.....;

- Lưu: VT.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên và đóng dấu)

36. Thủ tục Chuyển nhượng quyền sử dụng số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, mã mạng di động H2H phân bổ qua phương thức đấu giá

Trình tự thực hiện	1. Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị Chuyển nhượng quyền sử dụng số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, mã mạng di động H2H phân bổ qua phương thức đấu giá tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, doanh nghiệp đặt trụ sở chính. 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, ban hành quyết định xác nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông cho các tổ chức, doanh nghiệp đề nghị theo Mẫu số 36 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP. Trường hợp không đồng ý việc chuyển nhượng, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp biết và nêu rõ lý do từ chối.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia. - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh
Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ a) Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông theo Mẫu số 35 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP. b) Bản gốc (hoặc bản sao có chứng thực) quyết định phân bổ mã, số viễn thông; quyết định xác nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực) đối với trường hợp mã, số viễn thông thực hiện chuyển nhượng từ lần thứ 02 trở đi. c) Tài liệu chứng minh của tổ chức, doanh nghiệp nhận chuyển nhượng về việc đáp ứng các yêu cầu tại cuộc đấu giá mà tổ chức, doanh nghiệp chuyển nhượng đã tham gia; bản cam kết, thỏa thuận giữa tổ chức, doanh nghiệp chuyển nhượng và tổ chức, doanh nghiệp nhận chuyển nhượng về bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng của việc chuyển nhượng (nếu có). 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, doanh nghiệp
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định xác nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông theo <i>Mẫu số 36 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i> .
Phí, lệ phí (nếu có)	Không có
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm)	Đơn đề nghị Chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông theo <i>Mẫu số 35 tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP</i> .
Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)	1. Tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, số dịch vụ giải đáp thông tin, mã mạng di động H2H qua phương thức đấu giá được chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông này cho các tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu quy định tại cuộc đấu giá mà tổ chức, doanh nghiệp chuyển nhượng tham gia. 2. Tổ chức, doanh nghiệp được chuyển nhượng quyền sử dụng mã mạng di động H2H phân bổ qua phương thức đấu giá sau khi đưa mã mạng di động H2H vào khai thác sử dụng tối thiểu 02 năm; được chuyển nhượng quyền sử dụng số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn phân bổ qua đấu giá sau khi đưa vào khai thác, sử dụng tối thiểu 06 tháng.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Viễn thông - Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn".

	<i>- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ</i>

Mẫu số 35

TÊN TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG**QUYỀN SỬ DỤNG MÃ MẠNG DI ĐỘNG H2H, SỐ DỊCH VỤ TIN
NHẮN NGẮN, SỐ DỊCH VỤ GIẢI ĐÁP THÔNG TIN**

Kính gửi:

1. Thông tin bên chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông

- Tên tổ chức, doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính: Số điện thoại: Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:.....

2. Mã, số viễn thông chuyển nhượng quyền sử dụng:

STT	Mã, số viễn thông chuyển nhượng	Giấy tờ chứng minh chủ sở hữu	Số tiền chuyển nhượng (Đơn vị: đồng)
	(1)	(2)	(3)
1			
2			
...			

Ghi chú:

- (1): Ghi rõ loại mã, số viễn thông chuyển nhượng (Ví dụ: Số dịch vụ tin nhắn ngắn)

- (2): Ghi rõ Giấy tờ chứng minh chủ sở hữu (Ví dụ: Quyết định phân bổ);
- (3) Ghi rõ số tiền chuyển nhượng.

3. Thông tin bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông

- Tên tổ chức/ doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính: Số điện thoại: Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:.....

4. Tài liệu chuyển nhượng

- Bên nhận chuyển nhượng cung cấp tài liệu về việc đáp ứng các yêu cầu tối thiểu tại cuộc đấu giá mà bên chuyển nhượng đã tham gia.
- Tài liệu liên quan khác (nếu có).

5. Điều khoản cam kết

- Cam kết tính chính xác của các thông tin tại đơn này và thực hiện nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông và pháp luật liên quan.
- Cam kết hoàn thành nghĩa vụ về thuế, phí khi chuyển nhượng theo quy định pháp luật (nếu có).

....., ngày... tháng.... năm.....

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu số 36

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Xác nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng mã mạng di động H2H/số dịch vụ giải đáp thông tin/ số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số .../2026/NQ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số ... /2025/QĐ-UBND ngày.... tháng ... năm của UBND tỉnh...quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ...;

Xét đề nghị của Tên tổ chức/doanh nghiệp tại Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông số ngày

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng mã mạng di động H2H/số dịch vụ giải đáp thông tin/ số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá như sau:

1. Bên chuyển nhượng

- Tên tổ chức, doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính: Số điện thoại: Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:.....

2. Bên nhận chuyển nhượng

- Tên tổ chức, doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính: Số điện thoại: Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:.....

3. Mã, số viên thông chuyển nhượng:

STT	Tên mã, số viên thông	Giấy tờ chứng minh chủ sở hữu	Số tiền chuyển nhượng (Đơn vị: đồng)
1			
2			

Điều 2. (*Tên Tổ chức, doanh nghiệp*) có trách nhiệm thực hiện việc nộp lệ phí phân bổ, phí sử dụng mã, số viên thông theo quy định pháp luật về phí, lệ phí.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng ..., Trưởng phòng ..., Tổ chức/doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
-
- Lưu: VT.

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN RA

QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên và đóng dấu)

37. Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông

<i>Trình tự thực hiện</i>	<i>1. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã có Giấy chứng nhận hợp quy</i> <i>Bước 1: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thực hiện đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính (sau đây gọi là cơ quan kiểm tra)</i> <i>Bước 2: Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu 02 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.</i> <i>Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, cơ quan kiểm tra xác nhận các nội dung còn thiếu, đồng thời xác nhận việc tổ chức, cá nhân nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký kiểm tra và yêu cầu tổ chức, cá nhân nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Nếu quá thời hạn nêu trên mà hồ sơ vẫn chưa được bổ sung đầy đủ, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian dự kiến hoàn thành việc bổ sung hồ sơ.</i> <i>Bước 3: Sau khi tổ chức, cá nhân nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ:</i> <i>+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng theo Mẫu số 03 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, gửi cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu để thực hiện thủ tục thông quan;</i> <i>+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn: Cơ quan kiểm tra yêu cầu tổ chức, cá nhân nhập khẩu khắc phục trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc. Cơ quan kiểm tra chỉ ra Thông báo lô hàng đáp ứng yêu cầu chất lượng khi có bằng chứng chứng minh việc khắc phục về nhãn theo quy định. Trường hợp không khắc phục được, cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về nhãn theo Mẫu số 3 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP;</i> <i>+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng Giấy chứng nhận hợp quy không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu: Cơ quan kiểm tra ra</i>

	<i>Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng, nêu rõ các nội dung không phù hợp và gửi cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu và cơ quan hải quan để xử lý theo thẩm quyền;</i> <i>+ Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ, cơ quan kiểm tra ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 03 Phụ lục VII Nghị định số 37/2026/NĐ-CP, trong đó ghi rõ: “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ”, gửi cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu và cơ quan hải quan;</i> <i>+ Trường hợp phát hiện dấu hiệu rủi ro, gian lận hoặc thông tin không thống nhất giữa hồ sơ và dữ liệu quản lý, cơ quan kiểm tra ban hành Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu theo Mẫu số 03 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.</i> <i>2. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu chưa có Giấy chứng nhận hợp quy</i> <i>Bước 1: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thực hiện đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính (sau đây gọi là cơ quan kiểm tra).</i> <i>Trường hợp sử dụng nhãn điện tử, việc ghi nhãn phải đáp ứng quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ nhập khẩu.</i> <i>Bước 2: Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo Mẫu số 2 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.</i> <i>Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, cơ quan kiểm tra xác nhận các nội dung còn thiếu, đồng thời xác nhận việc tổ chức, cá nhân nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu và yêu cầu tổ chức, cá nhân nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.</i> <i>Nếu quá thời hạn nêu trên mà hồ sơ vẫn chưa được bổ sung đầy đủ, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian dự kiến hoàn thành việc bổ sung hồ sơ.</i> <i>Bước 4: Tổ chức, cá nhân làm thủ tục với cơ quan hải quan để đưa hàng hóa nhập khẩu về địa điểm bảo quản hàng hóa theo quy định của pháp luật hải quan.</i>

	<i>Bước 5: Tổ chức, cá nhân liên hệ với tổ chức chứng nhận được chỉ định để thực hiện đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.</i> <i>- Bước 6: Sau khi tổ chức, cá nhân nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, trình tự thực hiện theo quy định như bước 3 của trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã có Giấy chứng nhận hợp quy.</i>
<i>Cách thức thực hiện</i>	<i>Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau:</i> <i>- Cổng thông tin một cửa quốc gia</i> <i>- Cổng dịch vụ công quốc gia</i> <i>Trường hợp các hệ thống này gặp sự cố hoặc trường hợp bất khả kháng khiến không thể trao đổi thông tin điện tử, việc xử lý được thực hiện theo Điều 17 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</i>
<i>Thành phần, số lượng hồ sơ</i>	<i>1. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đã có Giấy chứng nhận hợp quy</i> <i>a) Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu;</i> <i>b) Giấy chứng nhận hợp quy do tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định cấp, trong đó có các thông tin liên quan đến hàng hóa nhập khẩu. Trường hợp Giấy chứng nhận hợp quy cấp cho lô hàng, phải có các thông tin liên quan đến lô hàng nhập khẩu (tên hàng hóa; nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; khối lượng/số lượng; tờ khai hàng hóa nhập khẩu; hóa đơn);</i> <i>c) Ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo các nội dung của nhãn chính (đối với hàng hóa phải ghi nhãn);</i> <i>d) Mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đối với hàng hóa phải ghi nhãn.</i> <i>Trường hợp sử dụng nhãn điện tử, việc ghi nhãn phải đáp ứng quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ nhập khẩu.</i> <i>Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</i> <i>2. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu chưa có Giấy chứng nhận hợp quy</i> <i>a) Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu;</i> <i>c) Ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo các nội dung</i>

	của nhãn chính (đối với hàng hóa phải ghi nhãn); d) Mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đối với hàng hóa phải ghi nhãn. Trường hợp sử dụng nhãn điện tử, việc ghi nhãn phải đáp ứng quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ nhập khẩu. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 01 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không đáp ứng yêu cầu về nhãn: 06 ngày làm việc (bao gồm 05 ngày khắc phục và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ) - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 08 ngày làm việc không tính thời gian xin gia hạn (gồm 07 ngày bổ sung hồ sơ từ ngày tiếp nhận và 01 ngày kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). - Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa có mức độ rủi ro cao
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đăng ký kết quả (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP) - Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 37/2026/NĐ-CP)
Yêu cầu, điều kiện thực	Không có

<i>hiện thủ tục hành chính</i>	
<i>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính</i>	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15. - Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa - Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA
NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Kính gửi:(tên cơ quan kiểm tra).....

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa sau:

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Nhà sản xuất	Khối lượng/số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu

Địa chỉ tập kết hàng hóa:

Hồ sơ nhập khẩu gồm:

- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu: do Tổ chức cấp ngày: .../.../....

- Ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo các nội dung của nhãn chính (đối với hàng hóa phải ghi nhãn).

- Mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đối với hàng hóa phải ghi nhãn.

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung đã khai báo nêu trên về hồ sơ của lô hàng hóa nhập khẩu, đồng thời cam kết chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn công bố áp dụng

Ngày... tháng ... năm
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA
 Vào sổ đăng ký số:

....., ngày.....tháng.....năm 20.....
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬP KHẨU

Mẫu số 02

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRACỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/(CQKT)

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

**PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA
NHẬP KHẨU**

STT	Hạng mục kiểm tra	Có/Không		Ghi chú
		Có	Không	
1	Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.	☐	☐	
2	Giấy chứng nhận hợp quy do tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định cấp/Chứng thư giám định chất lượng do tổ chức giám định được chỉ định cấp	☐	☐	
3	Ảnh hoặc bản mô tả đặc tính hàng hóa kèm theo các nội dung của nhãn chính (đối với hàng hóa phải ghi nhãn)	☐	☐	
4	Mẫu nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định) đối với hàng hóa phải ghi nhãn	☐	☐	

KẾT LUẬN

☐ Hồ sơ đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.

☐ Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục: trong thời gian 07 ngày làm việc. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)**NGƯỜI KIỂM TRA HỒ SƠ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRACỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-.....

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

THÔNG BÁO**Kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu**

STT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Nhà sản xuất	Khối lượng/ số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú ¹

- Cửa khẩu nhập:
- Thời gian nhập khẩu:
- Thuộc lô hàng có Giấy đăng ký kiểm tra số:.... ngày ... tháng ... năm 20....
- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu số do....(tên đơn vị cấp)...cấp ngày: .../.../....
- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:
- Căn cứ kiểm tra:
- + Tiêu chuẩn công bố áp dụng:
- + Quy chuẩn kỹ thuật:
- + Quy định khác:

KẾT QUẢ KIỂM TRA

Ghi một trong các nội dung:
 Đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu
 Hoặc Không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu thì nêu lý do và các yêu cầu khác nếu có
 Hoặc Lô hàng không đáp ứng yêu cầu về nhãn
 Hoặc Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu;
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT, (Viết tắt tên CQKT).

CƠ QUAN KIỂM TRA

¹ Các nội dung nêu tại bảng này được ghi theo Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu.